BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG

VICEM HOÀNG MAI

THÁNG 04 NĂM 2018

MỤC LỤC

A. TỔNG QUAN 4

1. Thư ngỏ của Ban lãnh đạo 6
2. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi 3
3. Thành tích tiêu biểu từ năm 2012 đến nay 8
4. Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs) 9

B. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 16

1. Đôi nét về doanh nghiệp 18
2. Quá trình hình thành và phát triển 21
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 23
4. Phân tích S.W.O.T. và các rủi ro trọng yếu 28
5. Mô hình kinh doanh và nội lực 33
6. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu 37

C. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 46

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc 48
2. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị 56

D. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 60

1. Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông 62
2. Giới thiệu Ban lãnh đạo 63
3. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông 73
4. Hoạt động của Hội đồng quản trị 74
5. Hoạt động của Ban kiểm soát 80
6. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích liên quan 82
7. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên một số tiêu chí của thẻ điểm quản trị 83

E. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 88

1. Tổng quan về phát triển bền vững 90
2. Các mục tiêu phát triển bền vững 91
3. Tình hình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong năm 2017 92

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017 ĐÃ KIỂM TOÁN 94

A. TỔNG QUAN

Cổng vào CTCP xi măng VICEM Hoàng Mai

1. THƯ NGỎ CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Kính gửi toàn bộ cổ đông, khách hàng, đối tác và các cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai,

Thay mặt ban lãnh đạo công ty, tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến quý vị - những người đã dành nhiều tình cảm và tâm huyết với công ty trong suốt thời gian vừa qua.

Theo đánh giá của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, 2017 là năm đánh dấu sự khôi phục mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu, với mức tăng trưởng kinh tế ước đạt 3,6%, tăng 0,5% so với năm 2016 nhờ sự phát triển của đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Cho đến thời điểm này, châu Á - Thái Bình Dương vẫn luôn được coi là điểm sáng trong suốt một thập niên tăng trưởng kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 nhờ tinh thần hội nhập, nỗ lực thúc đẩy liên kết kinh tế và tự do hóa thương mại. Hòa trong xu thế phát triển chung, kinh tế Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể với mức tăng trưởng kinh tế ước đạt 6,81%, cao hơn so với năm trước nhờ tổng cung được cải thiện, tổng cầu tăng mạnh nhờ gia tăng tiêu dùng, đầu tư và đặc biệt là xuất khẩu. Tuy nhiên, số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy thặng dư thương mại chủ yếu tập trung vào khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với giá trị xuất siêu lên đến 26,2 tỷ USD, trong khi khối doanh nghiệp trong nước rơi vào tình trạng nhập siêu với mức thâm hụt 23,4 tỷ USD trong suốt 11 tháng đầu năm 2017. Đối mặt với thực trạng các công ty FDI đang có lợi thế lớn về vốn, công nghệ và giá trị thương hiệu trên thị trường nước ngoài, các doanh nghiệp nội địa nói chung và các doanh nghiệp trong ngành sản xuất xi măng nói riêng đang phải tìm lời giải cho bài toán khó về việc huy động vốn đầu tư, củng cố uy tín trong nước và cải thiện tình trạng xuất khẩu. Theo đánh giá của ông Nguyễn Quang Cung – Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Việt Nam, doanh thu ngành xi măng trong năm vừa qua sụt giảm và phải phụ thuộc nhiều vào hoạt động xuất khẩu, nguyên nhân bắt nguồn từ tác động của thời tiết, giá nguyên liệu và tình trạng cạnh tranh gay gắt ở thị trường trong nước. Lượng mưa lớn kéo dài trên diện rộng trong mùa xây dựng khiến cầu xi măng nội địa giảm sút; giá nguyên liệu cát cùng với giá than, giá điện tăng cao trong khi có thêm ba dây chuyền sản xuất xi măng được đưa vào vận hành dẫn đến cung vượt quá cầu, nhà sản xuất bị đưa vào thế khó khi giá nguyên liệu tăng nhưng giá bán không thay đổi thậm chí giảm do mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành quá lớn.

Trong bối cảnh đó, Công ty cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai đã gặp phải không ít thách thức trong năm 2017. Nhờ có định hướng của Tổng Công ty, VICEM Hoàng Mai dần khắc phục những mặt hạn chế ở khâu bán hàng; mở rộng địa bàn tiêu thụ tại miền Nam và chủ động tìm kiếm đối tác phù hợp để đẩy mạnh xuất khẩu sang Philippine; đa dạng hóa chủng loại xi măng nhằm tăng tính cạnh tranh, thích nghi nhanh chóng với diễn biến phức tạp của thị trường ở từng thời điểm. Với nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, tổng sản lượng tiêu thụ năm 2017 của công ty được cải thiện đáng kể trong giai đoạn cuối năm, tuy giảm nhẹ 6,46% so với năm 2016 nhưng tăng trưởng xuất khẩu đạt trên 95% so với năm trước đã giúp VICEM Hoàng Mai lội ngược dòng trước những khó khăn chung của toàn ngành. Năm 2018 chắc chắn sẽ tiếp tục là một năm nhiều thử thách do sự cạnh tranh khốc liệt về giá cả từ các đối thủ cạnh tranh ở cả thị trường trong nước và quốc tế.

Đối diện với những thách thức đó, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai vẫn quyết tâm đặt mục tiêu tăng trưởng tiêu thụ xi măng năm 2018 gần 15% so với năm trước thông qua việc đẩy mạnh sản lượng bán qua từng tháng, xây dựng chính sách bán hàng và hệ thống phân phối hiệu quả, đảm bảo chất lượng sản phẩm nhằm giữ vững thị phần xi măng truyền thống, khẳng định thương hiệu ở phạm vi khu vực. Đích đến mà công ty hướng tới trong giai đoạn này hoàn toàn có thể đạt được nếu có sự góp sức của đội ngũ lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, lòng tin của các quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác trân quý. Với kỳ vọng đưa VICEM Hoàng Mai trở thành thương hiệu tiêu biểu toàn ngành trong tương lai không xa, ban lãnh đạo xin hứa luôn nỗ lực hết mình để giúp công ty bứt phá trong giai đoạn đầy biến động.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt những năm tháng khó khăn vừa qua. Cùng nhau, chúng ta hãy tiếp tục duy trì một tập thể đoàn kết, cầu tiến và luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn quý vị,

Nghệ An, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Việt

2. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn:

- Phát huy thế mạnh về tiềm năng nguồn nguyên liệu và điều kiện hạ tầng để phát triển sản xuất, kinh doanh xi măng nhằm chiếm lĩnh thị phần cốt lõi, thị trường mục tiêu, thị trường tiềm năng và xuất khẩu.
- Đảm bảo hài hòa các lợi ích: lợi ích cho nhà nước, lợi ích cho các nhà đầu tư và lợi ích cho người lao động; cùng Tổng công ty Công nghiệp Xi măng phấn đấu đưa công nghiệp xi măng trở thành một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn, góp phần gây dựng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.
- Đầu tư cho tương lai để mở rộng quy mô và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về ngành công nghiệp xi măng.

Sứ mệnh:

Không ngừng đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu nhằm phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo cung ứng xi măng và clinker qua hệ thống nhà phân phối chính trên toàn quốc và thúc đẩy hoạt động xuất khẩu sản phẩm sang thị trường nước ngoài.

Giá trị cốt lõi:

- Tận dụng lợi thế địa lý với nguồn nguyên liệu đá vôi, đất sét dồi dào, trữ lượng lớn, chất lượng và tính ổn định cao để nâng cao quy hoạch, khai thác lâu dài, khẳng định uy tín dựa trên chất lượng sản phẩm.
- Đồng bộ hóa, đổi mới và nâng cấp thiết bị, áp dụng công nghệ hiện đại nhằm cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Áp dụng và cải tiến thường xuyên hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng nhằm tối thiểu hóa tỷ lệ lỗi, tối ưu hóa năng lực sản xuất, đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước và phục vụ hoạt động xuất khẩu.
- Lấy con người làm yếu tố then chốt, không ngừng bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và đầu tư cho công tác quản lý để đảm bảo duy trì sản xuất an toàn, ổn định, đạt được hiệu quả cao.

3. THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU TỪ NĂM 2012 ĐẾN NAY

Năm	Giải thưởng tiêu biểu	Cấp quyết định	Số quyết định – Ngày ban hành
2012	Bằng khen	Tổng liên đoàn lao động VN	QĐ số 315/QĐ-TLĐ, ngày 22/01/2013
2012	Bằng khen	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	138/QĐ-BHXH, ngày 07/02/2013
2012	Bằng khen	Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An	4728/QĐ-UBND-TĐ, ngày 22/11/2012
2014	Cờ thi đua	Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An	7291/QĐ-UBND, ngày 24/12/2014
2014	Bằng khen	Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An	7326/QĐ.UBND, ngày 25/12/2014
2015	Bằng khen	Tổng liên đoàn lao động VN	208/QĐ-TLĐ, ngày 29/01/2015
2015	Cờ thi đua	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	300/QĐ-LĐTBXH, ngày 06/3/2015
2015	Cờ thi đua	Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An	1823/QĐ-UBND, ngày 12/5/2015
2015	Huân chương lao động hạng nhì	Chủ tịch nước	1644/QĐ-CTN, ngày 07/8/2015
2015	Cờ thi đua giai đoạn 2010-2015	Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1938/QĐ-VICEM, ngày 21/9/2015

NĂM 2012

VICEM Hoàng Mai được chứng nhận trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

NĂM 2012

VICEM Hoàng Mai được chứng nhận là nhãn hiệu cạnh tranh tại Việt Nam.

NĂM 2014

Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An trao tặng bằng khen cho VICEM Hoàng Mai với thành tích tuân thủ tốt nghĩa vụ thuế.

NĂM 2015

Chủ tịch nước trao tặng huân chương lao động hạng nhì cho những cống hiến của VICEM Hoàng Mai giai đoạn 2010-2014.

NĂM 2015

VICEM Hoàng Mai vinh dự nhận Giải bạc chất lượng quốc gia.

NĂM 2017

VICEM Hoàng Mai được chứng nhận là đơn vị điển hình tiên tiến trong công tác phòng cháy chữa cháy.

4. CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPIs)

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015	2016	2017
Doanh thu thuần	tỷ VND	1.623,73	1.804,52	1.770,25	1.581,42	**1.421,72**
Lợi nhuận sau thuế	tỷ VND	1,50	43,13	62,72	52,17	**1,60**
Tổng tài sản	tỷ VND	2.006,54	1.855,76	1.862,74	1.754,29	**1.643,79**
Vốn chủ sở hữu	tỷ VND	846,78	888,46	922,50	961,21	**921,28**
EPS cơ bản	VND	22	623	906	754	**23**
ROE	%	0,18	4,85	6,80	5,43	**0,17**

DOANH THU THUẦN
Đơn vị: tỷ đồng

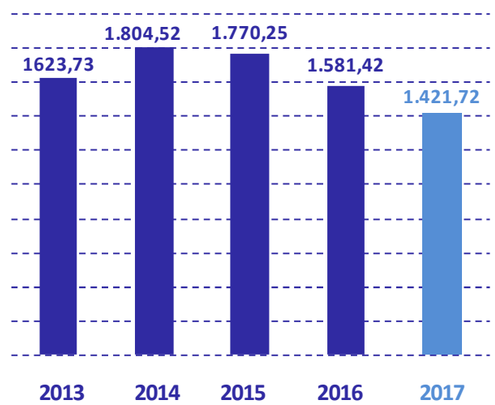

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
Đơn vị: tỷ đồng

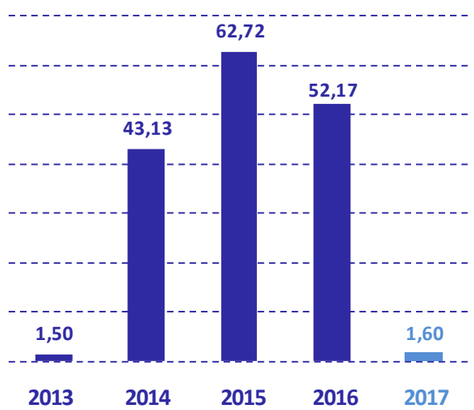

TỔNG TÀI SẢN
Đơn vị: tỷ đồng

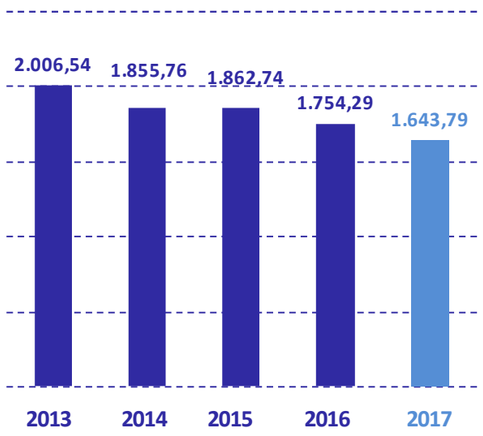

VỐN CHỦ SỞ HỮU
Đơn vị: tỷ đồng

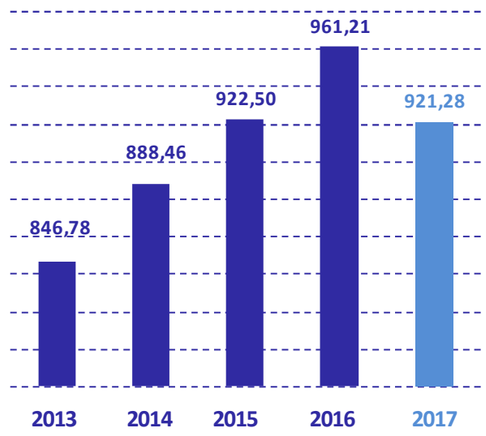

EPS CƠ BẢN (LÃI CƠ BẢN/ CỔ PHIẾU)
Đơn vị: đồng

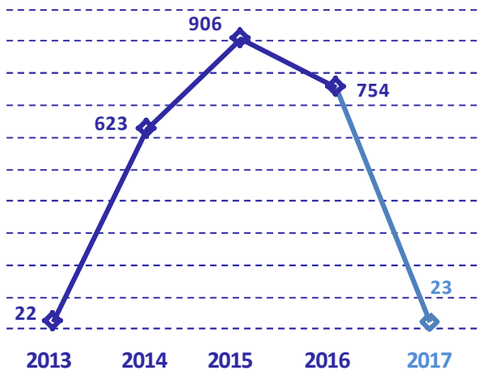

ROE (LỢI NHUẬN/ VỐN CHỦ SỞ HỮU)
Đơn vị: %

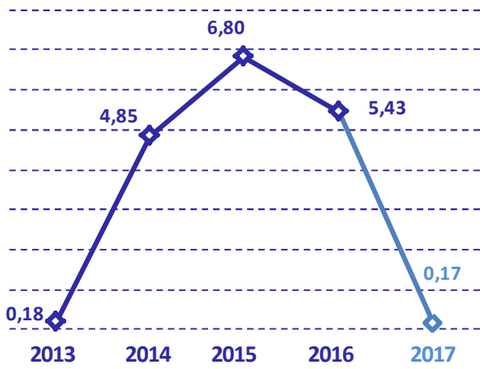

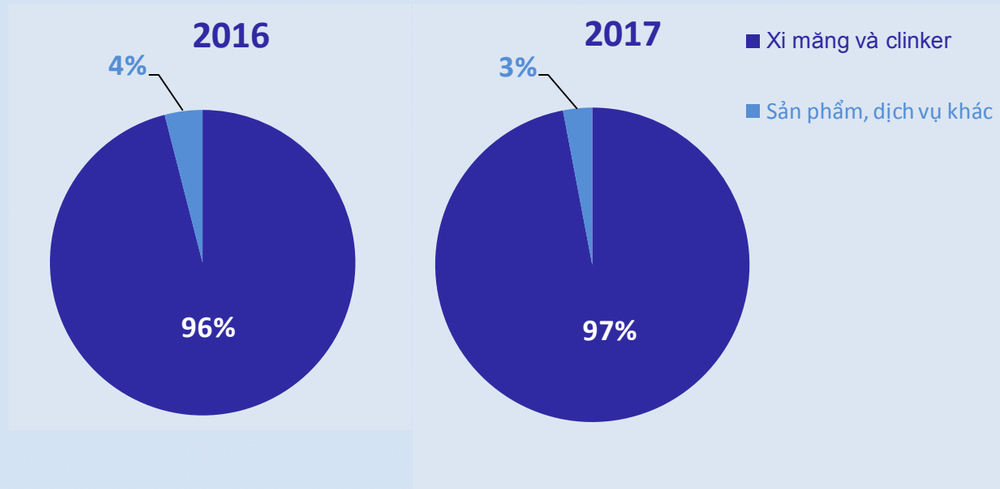

So sánh cơ cấu doanh thu 2016 - 2017

Biểu đồ so sánh cho thấy tỷ lệ doanh thu xi măng và clinker trong tổng cơ cấu doanh thu của công ty năm 2017 không có quá nhiều sự thay đổi, vẫn duy trì vai trò là sản phẩm chủ đạo mang lại phần lớn doanh thu cho VICEM Hoàng Mai với tỷ lệ 96%-97% trên tổng doanh thu. Cụ thể doanh thu từ xi măng và clinker năm 2017 là **1.376,19** tỷ đồng; giảm **147,42** tỷ đồng so với **1.523,62** tỷ đồng doanh thu ở mảng sản phẩm chính này vào năm 2016. Tuy nhiên, do tổng doanh thu bán hàng năm 2017 sụt giảm tới **159,70** tỷ đồng (từ **1.581,42** tỷ đồng xuống còn **1.421,72** tỷ đồng), tương ứng mức giảm **10,10%** so với năm trước, dẫn đến tỷ trọng doanh thu từ xi măng và clinker tăng thêm 1% cho dù doanh thu ở mảng sản phẩm này thực tế cũng giảm đi đáng kể. Thực trạng này phản ánh tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp ngành xi măng nói chung và VICEM Hoàng Mai nói riêng, trong đó vai trò của sản phẩm truyền thống là vô cùng quan trọng trong việc duy trì hoạt động sản xuất, đem lại nguồn thu chính để doanh nghiệp đứng vững trong giai đoạn khó khăn, tạo vốn trong việc phát triển các sản phẩm phụ trợ khác. Để khắc phục trở ngại, doanh nghiệp vẫn luôn phải dựa vào giá trị cốt lõi và chất lượng của dòng sản phẩm truyền thống để giữ vững vị thế, khẳng định uy tín với người tiêu dùng trong nền kinh tế thị trường nhiều biến động; đồng thời phải đề cao thiện chí cống hiến cho sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước thông qua đóng góp ngân sách, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân bằng chất lượng sản phẩm và các chương trình an sinh, cải thiện môi trường sống bằng hệ thống sản xuất xanh, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế. Đối với những tiêu chí đó, VICEM Hoàng Mai tự hào là một trong những doanh nghiệp có nền tảng phát triển bền vững trong cả ba mảng kinh tế - môi trường – xã hội.

	2017	2016	Mức tăng trưởng 2017 so với 2016	Giá trị tăng/ giảm 2017 so với 2016	% tăng/ giảm 2017 so với 2016	% trong tổng doanh thu 2017	% trong tổng doanh thu 2016
Tổng doanh thu bán hàng	1.421,72	1.581,42	89,90%	-159,70	-10,10%	100%	100%
Doanh thu bán xi măng và clinker	1.376,19	1.523,62	90,32%	-147,42	-9,68%	97%	96%
Doanh thu bán sản phẩm khác	34,08	51,98	65,55%	-17.91	-34,45%	2%	3%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10,31	2,72	379,25%	7,59	279,25%	30%	5%
Doanh thu thanh lý vật tư, phế liệu	**1,13**	**3,10**	**36,60%**	**-1,97**	**-63,40%**	**11%**	**114%**

Cơ cấu doanh thu bán hàng 2017

B. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Toàn cảnh Nhà máy xi măng Hoàng Mai

1. ĐÔI NÉT VỀ DOANH NGHIỆP

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
Tên viết tắt	HOM
Tên tiếng Anh	VICEM HOANGMAI CEMENT JOINT STOCK COMPANY
Biểu tượng của Công ty	
Trụ sở	Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
Điện thoại	(0238) 3866 170
Fax	(0238) 3866 648
Email	sales@ximanghoangmai.vn
Website	http://ximanghoangmai.vn/
Mã cổ phiếu	HOM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008 theo số 2900329295, thay đổi lần thứ 08 ngày 12/10/2017.
Vốn điều lệ	720.000.000.000 VNĐ (Bảy trăm hai mươi tỷ VNĐ)
Số lượng cổ phiếu lưu hành	72.000.000 cổ phiếu (Bảy mươi hai triệu cổ phiếu)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Quốc Việt - Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai được thành lập ngày 07/10/1995, nằm trong hệ thống hơn 10 công ty thành viên phân bố trên khắp cả nước do Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM) nắm giữ cổ phần và chỉ đạo chiến lược hoạt động. Cùng với Vicem Hoàng Thạch, Vicem Bỉm Sơn, Vicem Hà Tiên,... VICEM Hoàng Mai đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất và cung ứng xi măng và clinker mang nhãn hiệu VICEM. Trụ sở chính và nhà máy đặt tại Thị xã Hoàng Mai thuộc vùng kinh tế Nam Thanh Bắc Nghệ, với vị trí thuận lợi về giao thông đường sắt, thủy, bộ, có nguồn nguyên liệu dồi dào, chất lượng cao. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện chủ trương đổi mới theo chỉ đạo từ VICEM, công ty đã cổ phần hóa thành công, chính thức đổi mới mô hình quản lý doanh nghiệp với số vốn điều lệ 720 tỷ đồng vào ngày 01/04/2008, trong đó Nhà nước nắm giữ 70,96% vốn, tạo đà thuận lợi cho bước phát triển mới của VICEM Hoàng Mai trong cơ chế mở cửa của nền kinh tế đất nước.

Là một trong các đơn vị áp dụng mô hình tiêu thụ sản phẩm qua nhà phân phối chính, công ty đã thành công trong việc đẩy mạnh doanh số và xác lập lợi ích hài hòa giữa nhà sản xuất và các đơn vị phân phối; dây chuyền và công nghệ sản xuất xi măng của VICEM Hoàng Mai theo phương pháp khô, lò quay do Pháp và các nước thuộc nhóm G7 chuyển giao và đồng bộ hóa. Xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB30, PCB40, xi măng poóc lăng PC40, PC50,...là các sản phẩm được công ty nghiên cứu phát triển dựa trên tiêu chí phù hợp khí hậu và thị hiếu người tiêu dùng nội địa, thân thiện với môi trường và chất lượng luôn được kiểm soát nghiêm ngặt bởi tiêu chuẩn Việt Nam 6260:2009, 2682:2009 và bộ tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001. Không ngừng cải tiến và hoàn thiện, sản phẩm của công ty đã được sử dụng trong việc xây dựng các công trình trọng điểm như Trung tâm hội nghị Quốc gia, các công trình thủy điện lớn như Bản Vẽ, Hủa Na, Trung Sơn, Bá Thước, Ngàn Trươi hay các công trình cầu lớn như Vĩnh Tuy, Bến Thủy 2,... Ngoài ra, thương hiệu còn đạt được sự tín nhiệm trong các dự án kinh tế tiêu biểu tầm cỡ quốc gia: Tổ hợp gang thép Formosa, Khu kinh tế Nghi Sơn, Khu kinh tế Vũng Áng,... Chất lượng được đánh giá cao tại các công trình xây dựng trên khắp đất nước là yếu tố quan trọng giúp các sản phẩm xi măng và clinker của công ty góp mặt tại thị trường các quốc gia láng giềng như Lào, Indonesia, Philippines,... VICEM Hoàng Mai tự hào được công chúng ghi nhận cho những đóng góp tích cực với xã hội trong suốt hai mươi năm xây dựng và đổi mới: Huân chương Lao động hạng Ba, Giải thưởng Sao vàng đất Việt (2004), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về những thành tích đã đạt được nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty (07/10/1995-07/10/2005), Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn (2005), Cúp vàng "Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam" (2009), Huy chương vàng tại các hội chợ triển lãm trong nước,...

Bắt đầu những bước đi đầu tiên dựa trên định hướng của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, cho đến nay, VICEM Hoàng Mai ngày càng khẳng định được vị thế vững chắc trong hệ thống các công ty thành viên và góp phần không nhỏ trong việc đưa biểu tượng "con chim Lạc" đến với người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Công ty vẫn luôn bền bỉ hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và hoạt động vì sự phát triển bền vững sau chặng đường 20 năm tạo dựng nền móng, không ngừng phát huy thế mạnh và khắc phục hạn chế để ngày càng hoàn thiện. Đưa slogan truyền thống "Thách thức thời gian" xuất hiện trên bao bì mỗi sản phẩm đến với người tiêu dùng, ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên VICEM Hoàng Mai nhận thức rõ việc doanh nghiệp muốn phát triển dài hạn thì phải chú trọng hơn hết các vấn đề mang tính bền vững có liên quan mật thiết với xã hội và môi trường sống. Vì vậy công ty luôn đề cao việc gắn chặt các mục tiêu, định hướng dài hạn của mình với cộng đồng địa phương nói riêng và toàn xã hội nói chung thông qua các hoạt động, dự án bảo vệ môi trường và tích cực cống hiến vì sự nghiệp an sinh đất nước. Đáp ứng sự tin tưởng ngày càng cao của người tiêu dùng với thương hiệu Việt, VICEM Hoàng Mai vững tin vào một tương lai lớn mạnh hơn trong toàn ngành xi măng và hi vọng được đóng góp nhiều hơn nữa trong cả ba lĩnh vực kinh tế - môi trường – xã hội của đất nước.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995 – Thành lập Công ty Xi măng Nghệ An để làm chủ dự án Xi măng Hoàng Mai theo quyết định của Thủ tướng Chính Phủ.

1999 – Dự án xi măng Hoàng Mai khởi công đồng loạt các hạng mục chính thuộc dây chuyền sản xuất.

2000 – Công ty Xi măng Hoàng Mai trở thành thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM).

2002 – Chuyển sang giai đoạn sản xuất kinh doanh chính thức nằm trong hệ thống các công ty thành viên trực thuộc VICEM.

2004 – VICEM Hoàng Mai được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9000:2000 và chứng chỉ quản lý môi trường ISO 14001:1999.

2007 – Công ty bán đấu giá cổ phần ra công chúng thành công tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

2008 – VICEM Hoàng Mai chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ 720 tỷ VNĐ, Nhà nước nắm 70,96% vốn.

2009 – Cổ phiếu HOM của công ty lần đầu giao dịch trên HNX vào ngày 09/07/2009.

❖ **Ngày 07/10/1995:** Công ty Xi măng Nghệ An – tiền thân của Công ty Xi măng Hoàng Mai được thành lập theo Quyết định số 2629/QĐ.UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, mục đích để làm chủ đầu tư dự án xi măng Hoàng Mai. Dự án này được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 15/4/1996, với công suất 1,4 triệu tấn xi măng/năm, tổng mức đầu tư 238 triệu USD được huy động từ nguồn vốn vay trong và ngoài nước. Đây là dự án quy mô lớn đầu tiên tại Việt Nam được Chính phủ cho phép thí điểm thực hiện tự vay vốn đầu tư và chịu trách nhiệm trả nợ.

- **Ngày 09/06/1999:** Công ty tiến hành khởi công đồng loạt các hạng mục công trình chính thuộc dây chuyền sản xuất của dự án xi măng Hoàng Mai. Ngày 6/3/2002: Nhà máy đã cho ra lò những tấn clinker đầu tiên đạt chất lượng tốt sau 32 tháng khởi công xây dựng. Hoàng Mai là một trong số ít các nhà máy xi măng tại Việt Nam cho ra lò những tấn clinker tốt nhất ngay ở giai đoạn đầu của quá trình sản xuất, không có phế liệu trong quá trình hiệu chỉnh - nghiệm thu chạy thử.
- **Ngày 30/12/2000:** Công ty Xi măng Hoàng Mai trở thành thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An sau buổi ký kết biên bản bàn giao giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.
- **Ngày 01/07/2002:** Công ty bước sang giai đoạn sản xuất kinh doanh chính thức trong hệ thống các công ty thành viên thuộc VICEM sau quá trình sản xuất thử. Nhà máy Xi măng Hoàng Mai được vận hành với dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại, lò nung đạt công suất 4.000 tấn clinker/ngày, đốt 100% bằng than antraxit tiết kiệm nhiên liệu, hiệu quả kinh tế cao.
- **Năm 2004:** Công ty được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và chứng chỉ quản lý môi trường ISO 14001:1999. VICEM Hoàng Mai cũng là nhà máy đầu tiên thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam thỏa mãn hai tiêu chuẩn nói trên tại cùng một thời điểm chỉ sau một khoảng thời gian ngắn tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- **Ngày 09/03/2007:** Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 367/QĐ-BXD về chủ trương cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam). Căn cứ chủ trương cổ phần hóa đồng loạt, Xi măng Hoàng Mai đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 30/11/2007.
- **Ngày 27/02/2008**: Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành Quyết định số 219/QĐ-XMVN về việc điều chỉnh phương án cổ phần hoá và đổi tên Công ty Xi măng Hoàng Mai thành Công ty cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai. Ngày 01/04/2008, VICEM Hoàng Mai đã chính thức đi vào hoạt động với quy mô vốn điều lệ 720 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 510,918 tỷ đồng (tương ứng với 70,96% tổng số vốn).
- **Ngày 09/07/2009:** Cổ phiếu HOM của Công ty cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai được phép tiến hành phiên giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

❖ *Ngành nghề:*

Công ty chủ yếu tập trung sản xuất và kinh doanh xi măng và clinker, trong đó doanh thu của dòng sản phẩm chủ đạo này chiếm tới 97% tổng doanh thu của VICEM Hoàng Mai trong năm 2017. Ngoài ra, công ty còn sản xuất một số sản phẩm khác phục vụ cho ngành xây dựng: gạch block cho xây dựng dân dụng và bê tông tươi được sử dụng trong cả các công trình lớn. Các sản phẩm xi măng poóc lăng hỗn hợp (PCB30, PCB40), xi măng poóc lăng (PC40, PC50) đều được tin dùng trong nhiều năm qua bởi chất lượng và tính linh hoạt trong việc áp dụng cho cả các công trình nhà ở lẫn xây dựng công nghiệp. Sản phẩm đầu ra của công ty đều được thông qua khâu kiểm soát chất lượng chặt chẽ với bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và đảm bảo thân thiện với môi trường căn cứ theo bộ tiêu chuẩn ISO 14001:1999 được phổ biến trên phạm vi toàn công ty.

❖ *Các sản phẩm nổi bật:*

Xi măng bao PCB 40 ***(Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6260:2009)***

Là sản phẩm truyền thống trong nước được ưa chuộng nhất, xi măng PCB 40 có nhiều ưu điểm như :

+ Cường độ cao, độ dẻo lớn, khả năng rắn trong nước nhanh, tính chịu lửa khá tốt.
+ Giảm nhiệt hydrat hóa: phù hợp cho chế tạo các kết cấu bê tông khối lớn.
+ Tăng khả năng chống tác động của Sulfate và Clorid: chống ăn mòn hóa học.
+ Giảm phản ứng cốt liệu kiềm – silicat: giảm nứt vỡ cấu trúc do phản ứng kiềm.
+ Tăng tính tương tác của bê tông: duy trì độ sụt tốt hơn, linh động, dễ bơm.
+ Tăng cường độ tuổi muộn của bê tông.
+ Có khả năng chống xâm thực trong các môi trường,

1. Giới hạn bền khi nén, N/mm², min **– Sau 3 ngày đêm ± 45 phút:** **– Sau 28 ngày đêm ± 08 giờ:**	**18** **40**
2. Thời gian đông kết **– Bắt đầu, phút, min:** **– Kết thúc, phút, max:**	45 420
3. Độ nghiền mịn **– Lượng sót sàng 0,09 mm, %, max:** **– Bề mặt riêng Blaine, cm²/g, min:**	10 2.800
4. Độ ổn định thể tích (độ nở Le Chatelier), mm, max:	10
5. Hàm lượng SO3, %, max:	3,5
6. **Độ nở autoclave, %, max:**	0,8

Đây là sản phẩm tâm đắc của VICEM sau quá trình dày công nghiên cứu và cho ra một dòng sản phẩm thông dụng, đáp ứng yêu cầu của đại đa số gia đình và nhà thầu công trình trong nước. Xi măng rời PCB40 cũng là sản phẩm xi măng chủ chốt tại VICEM Hoàng Mai ở thời điểm hiện nay.

Xi măng rời C150-M12

Là sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của VICEM Hoàng Mai, xi măng C150/C150M-12 Type I được sản xuất theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM từ việc nghiền clinker, thạch cao và phụ gia hoạt tính,… Sản phẩm này đặc biệt được ưa chuộng bởi thị trường Philippines, ngoài ra còn được xuất bán sang các thị trường khó tính như châu Âu, châu Mỹ bởi chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn Mỹ ASTM C150/C150M-12 Type I và tiêu chuẩn châu âu EN-197. Xi măng C150/C150M-12 Type I có cường độ cao và tính ổn định, đảm bảo độ mịn, dẻo trong quá trình thi công, do hàm lượng kiềm, mất khi nung và căn không tan thấp dẫn đến xi măng C150/C150M-12 Type I có khả năng chống lại hiện tượng ăn mòn cốt thép, chống xâm thực tốt hơn. Trong ngành công nghiệp xi măng Việt Nam hiện nay, dòng sản phẩm này chủ yếu được vận dụng trong sản xuất bê tông cường độ cao, tại các công trình cao tầng yêu cầu khắt khe về đặc tính kỹ thuật. C150/C150M-12 Type I được sử dụng để sản xuất bê tông chất lượng cao, thường xuất hiện tại các trạm trộn bê tông thương phẩm, các đơn vị sản xuất bê tông dự ứng lực, cọc bê tông ly tâm, vật liệu không nung….

Xi măng bao PCB30 ***(Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6260:2009)***

1. Giới hạn bền khi nén, N/mm², min **– Sau 3 ngày đêm ± 45 phút:** **– Sau 28 ngày đêm ± 08 giờ:**	**14** **30**	Là một chủng loại khác trong dòng xi măng poóc lăng hỗn hợp gồm clinker, thạch cao và phụ gia khoáng nhằm tăng độ dẻo của vữa, chống thấm tốt hơn, chịu ăn mòn bền hơn. Phù hợp các yêu cầu xây dựng các công trình dân dụng như: nhà ở, nhà cao tầng, các khu đô thị…
2. Thời gian đông kết **– Bắt đầu, phút, min:** **– Kết thúc, phút, max:**	45 420	Tuy không còn được đẩy mạnh sản xuất như PCB 40, đây vẫn là một trong những sản phẩm đã góp phần làm nên thương hiệu của công ty.
3. Độ nghiền mịn **– Lượng sót sàng 0,09 mm, %, max:** **– Bề mặt riêng Blaine, cm²/g, min:**	10 2.800	
4. Độ ổn định thể tích (độ nở Le Chatelier), mm, max	10	
5. **Hàm lượng SO3, %, max:**	3,5	
6. **Độ nở autoclave, %, max:**	0,8	

Xi măng pooc lăng rất dễ hút ẩm trong không khí, đóng vón thành cục, trở nên kém phẩm chất, cường độ giảm xuống và thời gian ninh kết, rắn chắc kéo dài. Vì vậy, vấn đề chủ yếu trong vận chuyển và bảo quản trong kho là phải chống ẩm cho xi măng. Kho chứa xi măng phải cao ráo, sàn phải cách mặt đất 0.5 m, phải xếp cách tường kho 0.5 m và mỗi chồng không quá 10 bao. Kho xi măng phải ngăn từng gian, xếp xi măng theo thời gian trước sau. Loại xi măng sản xuất trước phải được dùng trước và sử dụng lô nào cho gọn lô đó. Không nên để xi măng lâu quá ba tháng.

Trên bao bì của tất cả các loại xi măng đều có lưu ý khi bảo quản đối với các đại lý để đảm bảo sản phẩm luôn duy trì chất lượng tốt nhất: để nơi khô ráo, không xếp trực tiếp xuống nền kho, ưu tiên xuất kho với những lô được sản xuất trước. Ngoài ra, công ty chú trọng đến cả khâu sau bán với những lưu ý khi sử dụng đối với hộ gia đình, các nhà thầu sử dụng trực tiếp như việc dùng cát, đá, sỏi phải sạch, không nhiễm mặn; trộn khô xi măng với cát đá trước khi trộn nước; che chắn mưa nắng trong 10 giờ đầu khi mới đổ bê tông, sau đó thực

hiện chế độ dưỡng ẩm 20 ngày. Với sự tỉ mỉ, kỹ lưỡng đối với từng sản phẩm xuất bán, xi măng VICEM Hoàng Mai ngày càng khẳng định được vị thế vững chắc trong tâm trí người tiêu dùng Việt.

Gạch Block

Là một sản phẩm phụ bên cạnh xi măng và clinker, gạch block của VICEM Hoàng Mai cũng là mặt hàng được nhiều người tiêu dùng tín nhiệm sử dụng. Đây là thành phẩm được tạo thành từ xi măng và các cốt liệu như: mạt đá, cát vàng, cát đen, xỉ nhiệt điện, phế thải công nghiệp, đất,... Về bản chất, loại gạch này chính là bê tông với tỷ lệ nước thấp và cốt liệu nhỏ được lèn chặt trong khuôn thép thành các sản phẩm có hình dạng theo khuôn mẫu. Gạch block chiếm tỷ trọng cao tại các công trình ở phân khúc gạch không nung, độ chịu lực tốt. Loại gạch block được sản xuất bởi VICEM Hoàng Mai là gạch có kết cấu rỗng, chủ yếu dùng để xây tường, dễ sử dụng với vữa thông thường, tính ứng dụng cao. Sự ra đời của sản phẩm này góp phần đa dạng hóa mặt hàng của công ty, tận dụng xi măng và nguồn nguyên liệu sẵn có nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần trong việc tăng doanh thu và quảng bá hình ảnh doanh nghiệp.

Bê tông tươi

Có tên gọi khác là bê tông thương phẩm, bê tông tươi thường được sản xuất với quy mô lớn tại các nhà máy cung cấp vật liệu xây dựng. Bên cạnh xi măng, nguyên liệu tạo thành loại sản phẩm này gồm cả cát, đá, nước và phụ gia với những tỉ lệ tùy theo yêu cầu, tạo thành nhiều chủng loại bê tông tươi rất đa dạng. Sản phẩm này thường xuất hiện tại các công trình công nghiệp, nhà cao tầng và cả nhà dân dụng.

.

❖ Địa bàn kinh doanh:

Các sản phẩm của công ty chủ yếu được cung cấp cho các nhà phân phối và đại lý trải dọc các tỉnh Bắc miền Trung, bao gồm ba tỉnh lớn là Nghệ An – địa điểm đặt trụ sở chính và nhà máy VICEM Hoàng Mai, cùng với Thanh Hóa và Hà Tĩnh là hai tỉnh lân cận.

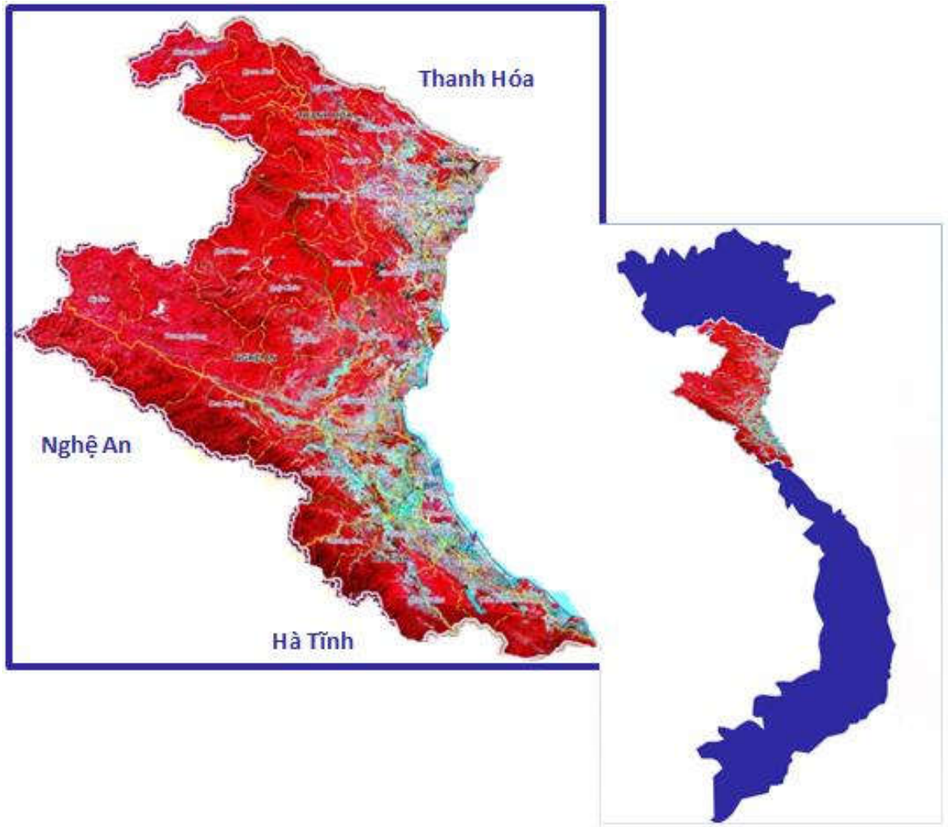

Với ưu thế là khu vực địa lý có nguồn nguyên liệu dồi dào, đá vôi và đất sét ở đây được các chuyên gia thẩm định và đánh giá chất lượng bậc nhất ở Việt Nam tính đến thời điểm hiện tại. Bên cạnh đó, hệ thống đường giao thông phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình vận chuyển nguyên vật liệu đến các nhà máy cũng như phân phối các sản phẩm đầu ra tới các đại lý tiêu thụ ở cả ba tỉnh; trong khi đường sắt và đường bộ thuận tiện cho việc tiêu thụ xi măng trong nước thì đường thủy là thế mạnh để xi măng Hoàng Mai đến được thị trường nước ngoài một cách thuận tiện nhất. Trên tinh thần khắc phục khó khăn và tận dụng những điểm lợi sẵn có, VICEM Hoàng Mai đã và đang trở thành một điểm sáng trên vùng kinh tế Nam Thanh Bắc Nghệ, góp phần đẩy mạnh kinh tế ngành, cống hiến hết mình cho cộng đồng địa phương và không ngừng tạo ra các giá trị thiết thực trong đời sống người dân qua các sản phẩm tâm huyết.

4. PHÂN TÍCH S.W.O.T. VÀ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

❖ *Phân tích S.W.O.T.*

	Điểm mạnh **S**	**Điểm yếu** **W**
	S1. Thương hiệu VICEM uy tín lâu năm trên thị trường. S2. Vị trí thuận tiện cung ứng hàng hóa, khai thác cát, đá vôi. S3. Nguyên liệu dồi dào, chất lượng tốt. S4. Hệ thống phân phối rộng khắp.	W1. Máy móc cũ dễ phát sinh hỏng hóc, chi phí bảo dưỡng lớn.
Cơ hội **O** O1. Xây dựng phát triển kéo theo cầu xi măng ngày càng lớn. O2. Sự hỗ trợ, định hướng từ Tổng Công ty VICEM. O3. Xu hướng xuất khẩu xi măng trong nước.	**Tận dụng điểm mạnh, dùng cơ hội làm đòn bẩy** - Tận dụng thế mạnh thương hiệu, chất lượng và hệ thống bán sẵn có để tăng nguồn cung, mở rộng thị phần, đẩy mạnh xuất khẩu. - Tận dụng hỗ trợ về chiến lược và tài chính từ VICEM để đầu tư vốn, công nghệ, nhân lực,... thúc đẩy sản xuất phát triển.	**Khắc phục điểm yếu nhờ nắm bắt cơ hội kịp thời** - Đề xuất hỗ trợ từ VICEM để thay mới máy móc, nâng công suất hoạt động. - Thanh lý một số hệ thống máy móc không phù hợp, bổ sung thay mới các trang thiết bị với công nghệ tiên tiến, đạt chuẩn đầu ra cho mục đích xuất khẩu, tăng số lượng nhằm mở rộng quy mô hoạt động.
Thách thức **T** T1. Sự gia nhập ngành của các doanh nghiệp có vốn FDI. T2. Giá nguyên vật liệu, giá điện tăng cao. T3. Thời tiết bất lợi dẫn đến cung vượt quá cầu.	**Phát huy điểm mạnh, vượt qua thách thức** - Củng cố quan hệ, áp dụng ưu đãi với các nhà phân phối, tận dụng uy tín sẵn có để mở rộng địa bàn hoạt động, tăng vị thế trong ngành. - Quảng bá chất lượng nguồn nguyên vật liệu rộng rãi hơn nhằm tăng thị phần.	**Nhận ra cơ hội từ thách thức** - Học hỏi công nghệ tiên tiến, tham khảo máy móc của các doanh nghiệp mới gia nhập để cải tiến, bổ sung hệ thống máy móc và tiếp cận công nghệ mới theo hướng phù hợp nhất theo hướng thân thiện với môi trường.

Bằng các bước phân tích cơ bản được thể hiện qua bảng trên, có thể thấy Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai có nhiều ưu thế về cả chất lượng sản phẩm, thương hiệu và hệ thống điểm bán, tuy nhiên các máy móc thiết bị tại công ty hầu hết đã có tuổi thọ khá cao (trên 20 năm). Để khắc phục điểm yếu và phát huy tốt hơn nữa thế mạnh sẵn có, công ty đang đứng trước bài toán khó khi thị trường tiềm ẩn cả những cơ hội và thách thức đan xen. Năm qua là một năm khó khăn với toàn ngành, đặc biệt với các doanh nghiệp nội địa với tình trạng mưa bão kéo dài làm chậm tiến độ thi công các công trình xây dựng, dẫn đến giảm lượng tiêu thụ xi măng; giá cát nguyên liệu cùng với giá điện tăng cao do chính sách quản lý về khai thác cát và tiêu thụ điện ngày càng siết chặt; các dây chuyền mới với công suất lớn trong ngành được đưa vào hoạt động càng làm tình trạng cung vượt cầu vốn đã nan giải từ đầu năm trở nên khó giải quyết. Tuy nhiên, công ty có thể nhìn thấy cơ hội cho việc khôi phục trong năm tới với ngày càng nhiều dự án xây dựng được đưa vào triển khai và xu hướng xuất khẩu trở nên mạnh mẽ trong khoảng thời gian gần đây. Dù tình hình sản xuất kinh doanh không được thuận lợi do các yếu tố khách quan, ban lãnh đạo VICEM Hoàng Mai cùng với Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam vẫn quyết tâm đề cao chiến lược phát triển gắn với chất lượng sản phẩm, hài hòa với môi trường tự nhiên và hết mình vì sự phát triển của cộng đồng.

Trong những giải pháp được đưa ra từ phương pháp phân tích S.W.O.T., còn nhiều phương pháp chưa được áp dụng do điều kiện thực tế không cho phép và các yếu tố khách quan cùng lúc tác động khiến doanh nghiệp khó khăn trong việc giải quyết đồng loạt. Điển hình là vấn đề huy động nguồn vốn để đầu tư cho các trang thiết bị, cải tiến công nghệ và đào tạo nhân sự; đây là giải pháp mang tính chiến lược, cần có sự thông qua của ban lãnh đạo Tổng Công ty cũng như sự đồng thuận từ phía các cổ đông nên đòi hỏi phải có thời gian và kế hoạch triển khai cụ thể, công việc có độ trễ nhất định không thể giải quyết ngay lập tức. Hay mưa bão là nguyên nhân bất khả kháng đến từ tự nhiên, sự ảnh hưởng của thời tiết là yếu tố cần được khắc phục mà không thể phòng ngừa được. Do đó, việc phân tích S.W.O.T. phần nào chỉ ra hướng đi dài hạn cho doanh nghiệp, giúp VICEM Hoàng Mai hiểu rõ thế mạnh cũng như yếu điểm của mình để có hướng khắc phục, nhưng kết quả đem lại từ các giải pháp này rất khó để định lượng, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thực tế. Để có thể duy trì vị thế và phát triển hơn nữa, ban lãnh đạo cùng các cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần VICEM Hoàng Mai cùng nhau trân trọng và bồi đắp giá trị cốt lõi, giá trị ấy xuất phát từ chính những con người đã – đang và sẽ đồng hành cùng công ty, vì một tương lai vững mạnh hơn cho ngành xi măng nước nhà, phúc lợi dành cho người dân và một môi trường xanh – sạch – đẹp.

❖ *Các rủi ro trọng yếu:*

a. Rủi ro thời tiết

Trong năm 2017, thời tiết là một trong những yếu tố gây ảnh hưởng lớn nhất đến tình hình sản xuất kinh doanh của VICEM Hoàng Mai nói riêng và các công ty trong ngành công nghiệp xi măng nói chung. Khởi điểm của mùa xây dựng trong năm nay cũng là thời điểm cả nước có nhiều đợt mưa kéo dài trên diện rộng, hàng loạt các công trình xây dựng đã phải tạm dừng kéo theo sự sụt giảm trong nhu cầu tiêu thụ xi măng toàn ngành. Tại thời điểm cuối tháng 11 năm nay, Ông Nguyễn Quang Cung - Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Việt Nam đã khẳng định 2017 chắc chắn là năm khó khăn của thị trường vật liệu xây dựng nói chung và toàn ngành xi măng nói riêng bởi sự khắc nghiệt của thời tiết. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, VICEM Hoàng Mai đã tiến hành mua bảo hiểm cho tài sản mà công ty đang khai thác, sử dụng.

b. Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Ngoài yếu tố thời tiết, một nguyên nhân quan trọng khác làm ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ xi măng trong nước đến từ yếu tố nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên liệu chính làm nên xi măng gồm đá vôi, đá sét, đất giàu sắt, đất giàu silic; nhiên liệu chính gồm than, dầu, điện; kết hợp với các phụ gia như bazan, thạch cao,... trong quá trình sản xuất để tạo nên thành phẩm.

Xét về nguyên liệu và phụ gia, do lợi thế nằm gần nguồn khai thác nguyên liệu, công ty không bị chi phối quá nhiều bởi giá của đá vôi, đá sét,... Tuy vậy, tại nhiều thời điểm, chính giá nhập khẩu thạch cao, than liên tục tăng cũng là điểm bất lợi cho tình hình sản xuất kinh doanh của VICEM Hoàng Mai nói riêng và Tổng VICEM nói chung.

Xét về nhiên liệu, bình quân mỗi tấn xi măng sản xuất phải sử dụng 84 kwh điện, chi phí điện chiếm khoảng 14% giá thành phẩm. Trong những năm gần đây, giá xăng dầu và gas liên tục biến động thất thường kéo theo chỉ số giá nhóm ngành giao thông, nhà ở, vật liệu xây dựng lên xuống khó dự đoán, gây ảnh hưởng lớn đến nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản. Một khi các hộ gia đình, các nhà thầu đã bớt mặn mà với việc thi công, sản lượng tiêu thụ xi măng cũng lập tức sụt giảm. Vì vậy, giá nhiên liệu từ lâu đã trở thành mối quan tâm tại từng thời điểm trong năm của các doanh nghiệp sản xuất xi măng. Dự báo trong những năm tới, nguồn cung về than có khả năng bị thiếu hụt do trữ lượng than ngày càng cạn kiệt, khả năng cung cấp và giá cả sẽ biến động lớn do ngành than đã nhiều lần có yêu cầu tăng giá.

Để hạn chế rủi ro này, công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các bộ định mức vật tư tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để tiết kiệm chi phí trong hoạt động sản xuất, giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra, công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng tổng thể nhà máy định kỳ nhằm duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả và đảm bảo tuổi thọ của máy móc thiết bị.

c. Rủi ro cung – cầu trên thị trường hàng hóa

Bên cạnh đó, 2017 là năm Nhà nước siết chặt chính sách quản lý khai thác cát. Việc khai thác cát bị quản lý chặt chẽ hơn trong năm 2017 nay nhằm hướng đến sự cân bằng hệ sinh thái, đảm bảo môi trường sống cho người dân. Tuy nhiên, tình trạng quản lý nghiêm ngặt việc khai thác cát khiến nguồn cung ứng cát trên thị trường sụt giảm mạnh, thiếu nguyên liệu thi công nên đã kéo theo hiệu ứng nhà thầu ngừng thi công các công trình và dừng các đơn đặt hàng xi măng đã dự trù từ trước. Liên đới với rủi ro này, nhiều doanh nghiệp rơi vào thế bí vì cho dù tổng cung trong ngành vẫn tăng lên ồ ạt nhưng giá cát tăng cao thì sản phẩm đầu ra vẫn trong tình trạng tồn kho, giá xi măng đã giảm mạnh nhưng doanh nghiệp vẫn không thể giải quyết lượng hàng tồn kho đã sản xuất, trong khi điều kiện để bảo quản xi măng thành phẩm rất ngặt nghèo và tốn kém thêm chi phí lưu kho. Ở một vài khu vực, giá cát đã tăng gấp ba lần bình thường, khiến nhà thầu gặp nhiều khó khăn. Nhiều công trình bị ngưng trệ vì nhà thầu không mua được cát, hoặc giá cát quá đắt nên nếu nhà thầu tiếp tục làm sẽ bị thua lỗ nghiêm trọng. Đây cũng là nguyên nhân lý giải cho sự sụt giảm tiêu thụ xi măng đáng kể trong nước trong thời gian vừa qua.

Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Việt Nam nhấn mạnh khi nói về câu chuyện dư cung của ngành xi măng: "Dư thừa năng lực sản xuất đang là vấn đề đối với phần lớn doanh nghiệp trong ngành". Theo thông tin từ Bộ Xây dựng, cả nước đã đầu tư mới nhiều dây chuyền sản xuất xi măng đi vào vận hành, nâng tổng số dây chuyền xi măng hiện có lên con số 83 và tổng công suất cả năm đạt 98,56 triệu tấn. Như vậy, so với kế hoạch tiêu thụ 80 triệu tấn xi măng của năm 2017, ngành xi măng vẫn dư khoảng gần 20 triệu tấn sản phẩm do sản xuất vượt quá nhu cầu thực tế của thị trường.

Ngành xi măng đang rơi vào tình trạng cung vượt quá cầu nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn. Thị trường trong nước tiêu thụ khó khăn, các doanh nghiệp phải tìm hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, do giá thành cao, cơ sở hạ tầng như cảng biển, phương tiện vận tải chưa đồng bộ,... nên công tác xuất khẩu xi măng gặp rất nhiều khó khăn. Vấn đề này được xem là thách thức lớn nhất đối với ngành xi măng nói chung và cho các đơn vị sản xuất kinh doanh xi măng trong Tổng công ty công nghiệp xi Măng Việt Nam nói riêng. Đối với VICEM Hoàng Mai,

rủi ro này được giảm thiểu đáng kể bởi lợi thế địa lý nằm gần vùng nguyên liệu cho phép công ty chủ động hơn trong cân đối giữa khai thác cho sản xuất và nhu cầu thực tế trên thị trường, tuy nhiên vẫn không tránh khỏi tình trạng tồn kho thành phẩm.

d. Rủi ro năng lượng

Sau gần ba năm giữ giá ổn định, từ ngày 01/12/2017, giá bán lẻ điện bình quân tăng lên mức hơn 1.720 đồng/kWh (chưa gồm thuế VAT), tăng 6,08% so với giá trước đó. Mặc dù mức tăng này thấp hơn so với tỷ lệ tăng 7,5% của đợt điều chỉnh tháng 03/2015, nhưng đối với các doanh nghiệp sản xuất sử dụng nhiều điện năng như xi măng thì mức giá này cũng khiến tạo ra áp lực nặng nề về chi phí năng lượng trong quá trình sản xuất.

Là ngành sử dụng nhiều điện năng, tính trung bình với mức tiêu thụ 100 kwh điện/tấn xi măng thì với sản lượng 86 triệu tấn xi măng, tổng mức tiêu thụ điện năng cho sản xuất xi măng ước khoảng 8,6 tỷ kWh điện trong toàn ngành. Với năng lực sản xuất duy trì ở mức hơn 2 triệu tấn xi măng mỗi tháng và tiêu thụ khoảng 90 kwh điện cho mỗi tấn xi măng, trung bình Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam phải chi trả 305 tỷ VNĐ tiền điện năng trong một tháng. Khi khung giá điện mới được áp dụng, mỗi tháng Tổng Công ty phải chi trả thêm 18,5 tỷ đồng chi phí điện, trong khi giá bán xi măng vẫn phải được duy trì ổn định, VICEM đối mặt với thực tế sẽ giảm khoảng 200 tỷ đồng doanh thu/ năm. Nếu các doanh nghiệp trong ngành đều có khả năng tiết kiệm điện năng ở mức 90kwh/tấn như VICEM thì toàn ngành vẫn sẽ tiêu thụ khoảng 7,74 tỷ kWh điện, ước tính giảm gần 800 tỷ đồng doanh thu mỗi năm trong toàn ngành từ tác động của giá điện tăng cao.

e. Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, dịch bệnh, bão lớn, mưa kéo dài,... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã tiến hành tham gia mua bảo hiểm cho tài sản mà Công ty đang khai thác, sử dụng.

Bên cạnh đó, lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, dễ khiến lạm phát tăng cao. Hiện nay, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp. Đồng thời, Vicem Hoàng Mai đã tổ chức triển khai lập báo cáo quản trị theo tuần/tháng phục vụ Ban lãnh đạo ra quyết định điều hành kinh doanh, chủ động lập

kế hoạch tài chính, bao gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm.

5. MÔ HÌNH KINH DOANH VÀ NỘI LỰC

❖ *Mô hình kinh doanh:*

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo pháp luật và Điều lệ Công ty. Công ty là đơn vị thành viên của Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam – cổ đông nhà nước nắm giữ 70,96% vốn cổ phần, phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng ngàn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Mô hình kinh doanh của VICEM Hoàng Mai tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở, bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của công ty, trên nguyên tắc tập dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc khi thực thi nhiệm vụ được giao. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của thị trường, công ty đã thành lập hệ thống các phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc, được phân chia theo chức năng riêng biệt nhưng vẫn đảm bảo có mối quan hệ hỗ trợ khăng khít trong việc thực hiện các công việc để quá trình sản xuất kinh doanh được thông suốt.

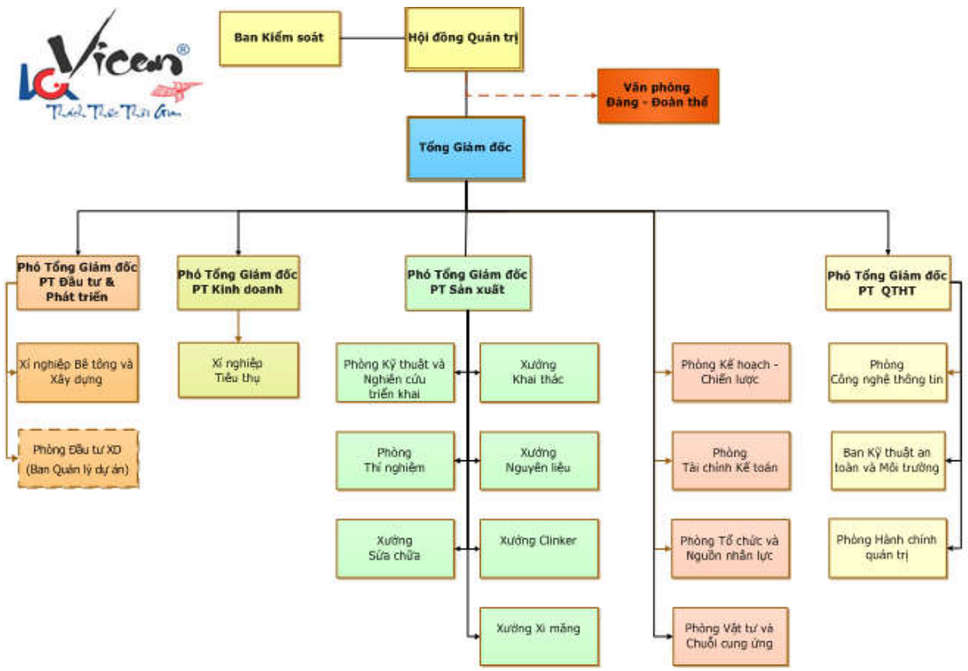

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty. Hàng năm HĐQT chuẩn bị kỹ lưỡng để kỳ họp ĐHCĐ được tổ chức một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo cho các cổ đông thực hiện được đầy đủ các quyền của cổ đông.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty có Chủ tịch và các ủy viên. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.
- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- **Bộ máy điều hành:** Đứng đầu bộ máy điều hành là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như quản trị hệ thống, đầu tư và phát triển, sản xuất, kinh doanh.
- **Một số phòng ban chức năng:**

Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của thị trường, Công ty đã thành lập 17 phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc và 01 Văn phòng Đảng - đoàn thể, được phân chia theo chức năng gồm: 09 phòng ban, 5 phân xưởng , 02 xí nghiệp và 01 Ban Quản lý dự án. Các phòng, ban, xưởng khác nhau đều có mối quan hệ với nhau nhằm hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các công việc để quá trình sản xuất kinh doanh được thông suốt.

❖ *Phân tích nội lực:*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện			
				Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	TH.2017/ KH.2017 (%)	TH.2017/ TH.2016 (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
A	SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY						
1	Xi măng	Tấn	1.600.000	1.466.783	1.358.158	84,88%	92,59%
2	Clinker	Tấn	1.300.000	1.269.240	1.261.883	97,07%	99,42%
B	TIÊU THỤ						
1	**Tổng SLTT**	Tấn	1.785.000	1.699.702	1.589.849	89,07%	93,54%
	Xi măng	Tấn	1.600.000	1.498.278	1.394.055	87,13%	93,04%
	Clinker	Tấn	185.000	201.424	195.794	105,83%	97,20%
C	TÀI CHÍNH						
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.661,00	1.581,00	1.422,00	85,61%	89,94%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	61,20	60,62	6,11	9,98%	10,08%
3	EBITDA	Tỷ đồng		214,24	161,10		75,20%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng		67,29	53,26		79,15%

Một số chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Căn cứ các chỉ tiêu liên quan đến kết quả sản xuất kinh doanh trong hai năm 2016 – 2017 được trình bày ở trên, có thể nhận thấy năng lực sản xuất, tiêu thụ và tiềm lực tài chính của VICEM Hoàng Mai trong giai đoạn gần đây có sự giảm sút đáng kể so với năm liền trước, hầu hết các chỉ tiêu đều không đạt được kế hoạch đã đề ra từ năm ngoái. Tương tự với các doanh nghiệp cùng ngành khác, nội lực của VICEM Hoàng Mai chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố ngoại cảnh, trong đó phải kể đến lượng tiêu thụ giảm sút do tổng cầu xi măng giảm trên phạm vi toàn ngành, điều này làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- **Năng lực sản xuất:** Trong năm 2017, sản lượng xi măng VICEM Hoàng Mai năm nay giảm chỉ còn 1.358.158 tấn, đạt 84,88% kế hoạch năm và đạt tỷ lệ 92,59% so với sản lượng sản xuất năm 2016; tương tự, sản lượng clinker năm nay ở mức 1.261.883 tấn, đạt 97,07% trên chỉ tiêu kế hoạch đề ra từ đầu năm và bằng 99,42% so với mức sản xuất năm ngoái. Kết quả này tuy không được như mong đợi ban đầu của Ban lãnh đạo VICEM Hoàng Mai và Tổng Công ty Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nhưng đã thể hiện sự cố gắng nỗ lực của công ty trong công tác khắc phục những rủi ro bất khả kháng, đặc biệt trong hoàn cảnh mùa mưa lũ kéo dài nằm ngoài dự tính.

- **Năng lực tiêu thụ:** Với hệ thống nhà phân phối rộng khắp, quy tụ tập trung nhất tại địa bàn ba tỉnh Thanh Hóa – Nghệ An – Hà Tĩnh, công ty hoàn toàn có khả năng tốt trong việc đưa ra thị trường các sản phẩm xi măng, clinker với uy tín đã được khẳng định của mình. Đứng giữa bối cảnh cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp ngành xi măng, giá bán giảm trong khi giá nguyên liệu vẫn tiếp tục tăng và tình trạng tồn kho clinker nan giải tại hầu hết các công ty, VICEM Hoàng Mai vẫn duy trì tổng mức tiêu thụ 1.589.849 tấn xi măng và clinker, trong đó bao gồm 1.394.055 tấn xi măng và 195.794 tấn clinker, tổng sản lượng tiêu thụ đạt 93,54% so với năm 2016. Việc sụt giảm 6,46% tổng mức tiêu thụ toàn công ty cho thấy những khó khăn chưa được giải quyết triệt để trong năm 2017, do đó công ty đang lên phương án cho việc ứng phó với biến động giảm cầu có thể xảy ra trong khoảng thời gian tới. Bên cạnh đó, lãnh đạo công ty vẫn tiếp tục đề ra các chiến lược nhằm duy trì và gia tăng năng lực tiêu thụ bằng các chính sách với nhà phân phối và không ngừng cải tiến chất lượng sản xuất nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu người tiêu dùng, nâng cao uy tín của công ty.

- **Tiềm lực tài chính:** Với mức doanh thu thuần giảm mạnh chỉ còn 89,94% so với năm 2016 và lợi nhuận trước thuế bằng 10,08% so với năm liền trước, 2017 không phải là năm tài chính khả quan của VICEM Hoàng Mai. Tuy nhiên, về chi phí tài chính, công ty vẫn bám sát kế hoạch để chi phí tài chính không vượt chỉ tiêu, thực hiện năm 2017 là 24,77 tỷ đồng/kế hoạch là 28,9 tỷ đồng. Công ty đã tích cực đàm phán với ngân hàng để giảm lãi suất và tiếp cận các gói vay có lãi suất ưu đãi, tích cực làm việc với Sở Tài chính và Cục thuế Nghệ An để thu hồi công nợ xi măng giao thông nông thôn.

6. GẮN KẾT BÊN LIÊN QUAN VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

❖ *Các bên liên quan trọng yếu đối với VICEM Hoàng Mai:*

Nhà cung cấp: Tầm quan trọng của nhà cung cấp đối với doanh nghiệp thể hiện ở mức độ tập trung của các nhà cung cấp, tầm quan trọng của số lượng sản phẩm đối với nhà cung cấp, sự khác biệt của các nhà cung cấp, ảnh hưởng của các yếu tố đầu vào đối với chi phí hoặc sự khác biệt hóa sản phẩm, chi phí chuyển đổi của các doanh nghiệp trong ngành, sự tồn tại của các nhà cung cấp thay thế, nguy cơ tăng cường sự hợp nhất của các nhà cung cấp, chi phí cung ứng so với tổng lợi tức của ngành. Các nhà cung cấp chính cho VICEM Hoàng Mai gồm có Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng (nhà cung cấp nguyên liệu than), Tổng công ty điện lực miền Bắc (nhà cung cấp nhiên liệu điện). Trong hai nhà cung cấp nói trên, VICEM Vật tư Vận tải Xi măng đóng vai trò trọng yếu đối với VICEM Hoàng Mai.

Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng là nhà cung cấp chính nguồn đầu vào than cho VICEM Hoàng Mai. Là doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam, đây cũng là đối tác lâu năm của VICEM Hoàng Mai do cùng thuộc hệ thống các công ty do Tổng VICEM dẫn dắt. VICEM Vật tư Vận tải Xi măng là đơn vị thay mặt cho VICEM trong việc cam kết với TKV đảm bảo nhu cầu ổn định tiêu thụ năng lượng quốc gia, đảm bảo việc vận hành hệ thống sản xuất không bị gián đoạn vì nhiên liệu.

Nắm giữ lợi thế là nhà phân phối độc quyền hiện nay tại Việt Nam, Tổng công ty điện lực miền Bắc chi phối đa số các doanh nghiệp trong phạm vi cả nước do điện là năng lượng tiêu thụ bắt buộc trong quá trình sản xuất kinh doanh, đặc biệt đối với những doanh nghiệp sở hữu hệ thống sản xuất tiêu tốn nhiều điện năng trong ngành xi măng. Năm vừa qua cũng là năm các công ty gặp nhiều khó khăn do giá điện tăng cao ngoài dự kiến. Là ngành sử dụng nhiều điện năng, tính trung bình với mức tiêu thụ 100 kwh điện/tấn xi măng thì với sản lượng 86 triệu tấn xi măng, tổng mức tiêu thụ điện năng cho sản xuất xi măng ước khoảng 8,6 tỷ kWh điện. Và nếu tất cả đều tiết kiệm điện năng ở mức 90kwh/tấn xi măng như VICEM thì toàn ngành sẽ tiêu thụ khoảng 7,74 tỷ kWh điện. Một phép tính lớn hơn cho toàn ngành xi măng, hiện tổng công suất toàn ngành xi măng lên tới 86 triệu tấn, giá bán xi măng không tăng thì trung bình toàn ngành xi măng sẽ giảm gần 800 tỷ đồng doanh thu mỗi năm khi giá điện tăng. Có thể thấy ảnh hưởng của Tổng công ty điện lực miền Bắc đối với các doanh nghiệp ngành công nghiệp xi măng nói chung và VICEM Hoàng Mai nói riêng là rất lớn. Không có sự tồn tại của các nhà cung cấp thay thế, doanh nghiệp không có lựa chọn chuyển đổi sang nhà cung cấp khác nên khả năng bị ép giá là rất lớn, tầm quan trọng của

điện lại lớn do không thể thay thế điện bằng loại năng lượng khác để vận hành máy móc ở thời điểm hiện tại, chi phí thay mới máy móc để sử dụng loại năng lượng khác cũng quá lớn và đòi hỏi thời gian dài. Chính vì vậy, Tổng công ty điện lực miền Bắc là nhà cung cấp nắm quyền chi phối toàn bộ đối với sự vận hành của toàn bộ công ty VICEM Hoàng Mai, ưu thế tăng giá lớn song cũng hoạt động dựa trên sự kiểm soát của Nhà nước nên cũng giảm bớt ảnh hưởng độc quyền từ đơn vị này.

Đối thủ tiềm năng: Nếu muốn trở thành đối thủ của doanh nghiệp, các đối thủ tiềm năng phải vượt qua các rào cản gia nhập như các lợi thế chi phí tuyệt đối, sự hiểu biết về chu kỳ dao động thị trường, khả năng tiếp cận các yếu tố đầu vào, chính sách của chính phủ, tính kinh tế theo quy mô, các yêu cầu về vốn, tính đặc trưng của nhãn hiệu hàng hóa, các chi phí chuyển đổi ngành kinh doanh, khả năng tiếp cận với kênh phân phối. Đối với VICEM Hoàng Mai ở thời điểm hiện tại, Xi măng Tân Thắng là đối thủ có nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An, với khoảng cách địa lý rất gần với Công ty (khoảng 18km), công suất thiết kế 5.000 tấn clinker/ngày, tương ứng gần 2 triệu tấn xi măng/năm. Thông qua việc lựa chọn năm nhà thầu hàng đầu thế giới trong lĩnh vực công nghệ thiết bị xi măng đến từ các quốc gia Ý, Đan Mạch, Đức và Thụy Sỹ để thực hiện việc thiết kế và cung cấp đồng bộ dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến, Tân Thắng còn sử dụng đơn vị thi công xây lắp trong nước dưới sự giám sát của chuyên gia EU, G7, qua đó giảm mức đầu tư, đảm bảo công nghệ nguồn và chất lượng, lại thuận lợi khi bảo trì, bảo dưỡng trong quá trình vận hành sau này. Áp lực từ đối thủ cạnh tranh tiềm năng này tương đối lớn do máy móc hầu hết được nhập khẩu từ nước ngoài và là dự án trọng điểm của Nghệ An, Tân Thắng có khả năng áp đảo rất lớn nếu các doanh nghiệp xi măng tại địa bàn tỉnh không có chiến lược khôn ngoan để giữ thị phần và cải tiến hơn nữa chất lượng sản phẩm. Tiếp thu những điểm mạnh của đối thủ này, VICEM Hoàng Mai đang học hỏi những ưu thế từ đối thủ để cải tiến, đổi mới máy móc, công nghệ theo hướng hợp lý nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năng lực và sự sáng tạo để phát huy những điểm mạnh của xi măng truyền thống, giữ vững thị phần và lòng tin ở phía người tiêu dùng.

Khách hàng: Khách hàng của VICEM Hoàng Mai đa dạng và trải rộng trên khắp các tỉnh thành đất nước, bao gồm cả các hộ gia đình và nhà thầu xây dựng tại các công trình lớn. Tuy nhiên, với việc lựa chọn phân phối đầu ra thông qua các đại lý, ảnh hưởng của khách hàng đến doanh nghiệp chủ yếu nằm ở nhóm đối tượng này. Đặc biệt khi có sự gia nhập của nhiều doanh nghiệp mới tại địa bàn tỉnh, các đại lý có vị thế cao hơn trong việc mặc cả và đòi hỏi ở doanh nghiệp những phúc lợi tốt hơn. Với đặc trưng là một mặt hàng thông dụng, nhà phân phối có thể dễ dàng thay đổi thương hiệu mà không ảnh hưởng quá lớn đến doanh số bán của họ, do vậy chủ đại lý đặc biệt nhạy cảm đối với sự biến động giá. Khác với doanh nghiệp về mục tiêu phát triển bền vững, họ theo đuổi những mặt hàng đem lại mức lợi nhuận cao hơn và lựa chọn tùy theo nhu cầu của khách mua lẻ. Do đó, VICEM Hoàng Mai đối mặt với nhiều áp lực từ nhóm đối tương này, vừa phải đảm bảo giữ vững chất lượng vì lợi ích người tiêu dùng, mặt khác vẫn phải thương thảo mức giá với các nhà phân phối để giữ vững thị phần trong một thị trường nhiều biến động. Một trong những chính sách được VICEM thúc đẩy triển khai trong thời gian tới là chế độ ưu đãi dành cho các đại lý phân phối, duy trì quan hệ tốt với các đại lý độc quyền mang thương hiệu VICEM.

Sản phẩm thay thế: Đến thời điểm hiện tại, có thể khẳng định áp lực từ sản phẩm thay thế đối với công ty không lớn vì xi măng vẫn luôn được coi là nguyên liệu hàng đầu trong ngành công nghiệp xây dựng.

Đối thủ hiện tại: Quan hệ cạnh tranh giữa các đối thủ trong ngành và doanh nghiệp phụ thuộc vào các rào cản nếu muốn "thoát ra" khỏi ngành, mức độ tập trung của ngành, chi phí cố định/giá trị gia tăng, tình trạng tăng trưởng của ngành, tình trạng dư thừa công suất, khác biệt giữa các sản phẩm, các chi phí chuyển đổi, tính đặc trưng của nhãn hiệu hàng hóa, tính đa dạng của các đối thủ cạnh tranh, tình trạng sàng lọc trong ngành. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có sự gia nhập của Vissai Sông Lam, Công Thanh, Long Sơn, trong đó VICEM Hoàng Mai nhận thấy Vissai Sông Lam là đối thủ cạnh tranh trực diện với mình tại địa bàn tỉnh. Tọa lạc tại huyện Đô Lương, xi măng Sông Lam thuộc Tập đoàn Xi măng The Vissai Ninh Bình, từ lâu cũng là sản phẩm uy tín trên địa bàn tỉnh khi đã cho ra lò những sản phẩm đạt chất lượng quốc tế. Đặc biệt khi cụm công trình nhà máy xi măng Sông Lam, trạm nghiền và cảng Nghi Thiết đã hoạt động ổn định trong năm 2017, tập đoàn này cũng dự kiến bắt tay ngay vào đầu tư khoảng 10.000 tỷ đồng xây dựng, lắp đặt hai dây chuyền sản xuất kế tiếp, đưa tổng công suất nhà máy xi măng Sông Lam lên 24.000 tấn clinker/ngày. Đây là biểu hiện cho thấy đối thủ cạnh tranh trên cùng địa bàn có xu hướng mở rộng thị phần bằng cách tận dụng lợi thế vốn, vì thế Hoàng Mai đang gặp áp lực trong việc giải quyết bài toán tăng trưởng cạnh tranh lành mạnh và bền vững mà vẫn đảm bảo giữ vững vị thế hiện tại của mình.

❖ MA TRẬN BCG

BCG là ma trận dùng để xác định các bên liên quan trọng yếu cần được ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của doanh nghiệp, từ đó phân bổ nguồn lực hợp lý. Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai phân loại các bên liên quan thành bốn nhóm với hai tiêu chí như biểu đồ dưới đây:

Mức độ phụ thuộc của bên liên quan đối với VICEM Hoàng Mai

Hiện nay không có bên liên quan nào phụ thuộc quá lớn vào VICEM Hoàng Mai do khách hàng có thể chuyển đổi nhà cung cấp bất cứ lúc nào, các đối thủ hoạt động độc lập, nhà cung cấp là bên chi phối và sản phẩm thay thế hầu như không có liên quan. → VICEM Hoàng Mai đang lưu ý gia tăng mức độ phụ thuộc của các bên liên quan, đặc biệt là khách hàng hiện tại và mở rộng thị phần bằng các khách hàng tiềm năng.	**VICEM Vật tư Vận tải Xi măng** đã đồng hành cùng VICEM Hoàng Mai trong nhiều năm. Sự gắn kết giữa VICEM Hoàng Mai và VICEM Vật tư Vận tải Xi măng giúp mỗi bên duy trì doanh thu ổn định và yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất. → Các khách hàng, cán bộ nhân viên, cổ đông trung thành luôn ủng hộ sự gắn bó phụ thuộc và hỗ trợ lẫn nhau giữa hai công ty, ban lãnh đạo VICEM Hoàng Mai chú trọng và xét mối quan hệ này ở định hướng dài hạn.
Sản phẩm thay thế: hiện tại gần như chưa có sản phẩm nào thay thế được xi măng nên áp lực và mức độ phụ thuộc của VICEM Hoàng Mai vào sản phẩm thay thế gần như không có. → Do sản phẩm thay thế không có sự ảnh hưởng quá lớn nên công ty xếp hạng nhóm sản phẩm này ở mục dự phòng cạnh tranh.	**Khách hàng:** là bên liên quan không phụ thuộc quá lớn vào VICEM Hoàng Mai do khách hàng có thể chuyển đổi nhà cung cấp bất cứ lúc nào, nhưng lại ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận của công ty. **Nhà cung cấp:** ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của VICEM Hoàng Mai. **Đối thủ cạnh tranh và tiềm năng:** ảnh hưởng rõ nét đến thực trạng sản xuất kinh doanh của công ty. → VICEM Hoàng Mai luôn chú ý gia tăng mức độ phụ thuộc và giảm mức ảnh hưởng của nhóm đối tượng này.

Mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan tới doanh nghiệp

❖ Gắn kết với các bên liên quan:

Các yếu tố đầu vào (A)	Cách thức sử dụng yếu tố đầu vào để tạo ra giá trị (B)	Các yếu tố đầu ra (C)	Các bên liên quan được hưởng lợi ích (D)
Năng lực sản xuất	Đầu tư năng lực sản xuất cho mảng sản phẩm xi măng và cliker	Doanh thu – lợi nhuận ít bị ảnh hưởng quá lớn khi có biến động từ thị trường, doanh thu từ xi măng – clinker chiếm phần lớn cơ cấu doanh thu cả năm. Công ty khẳng định được thương hiệu nhờ mảng sản phẩm chính.	- VICEM Vật tư Vận tải Xi măng: có điều kiện tiếp tục duy trì nguồn cung đều đặn cho VICEM Hoàng Mai. - Khách hàng: nhận được sản phẩm chất lượng tốt do được doanh nghiệp đầu tư kĩ lưỡng.
Năng lực tiêu thụ	Duy trì năng lực tiêu thụ ở mảng sản phẩm xi măng và clinker, tập trung đầu tư cho dòng sản phẩm chính.	Giữ vững thị phần xi măng – clinker tại địa bàn tỉnh, doanh thu ổn định theo năm nếu biết bám sát nhu cầu thị trường, gia tăng uy tín thương hiệu nhờ hoạt động lâu năm trong ngành.	- VICEM Vật tư Vận tải Xi măng: lượng tiêu thụ của VICEM Hoàng Mai càng lớn kéo theo cầu đối với sản phẩm than của doanh nghiệp này càng tăng. - Đối thủ cạnh tranh: nguy cơ mất thị phần nếu không có năng lực vượt trội so với VICEM Hoàng Mai. - Đối thủ cạnh tranh tiềm năng: gặp nhiều khó khăn khi gia nhập ngành do thị phần xi măng tại tỉnh đã bị các công ty như VICEM Hoàng Mai thôn tính hầu hết.

Tiềm lực tài chính	**Quay vòng vốn để đầu tư cho sản xuất kinh doanh, đầu tư cho hệ thống máy móc trang thiết bị và đổi mới công nghệ, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội nhằm phát triển bền vững. Tuy nhiên tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 gặp khó khăn đã ảnh hưởng đến nguồn vốn và dòng tiền của công ty.**	**Được biết đến nhiều hơn bởi người tiêu dùng không chỉ bởi thương hiệu, uy tín và chất lượng mà còn bởi những hoạt động đóng góp cho cộng đồng địa phương, môi trường và xã hội.**	**- VICEM Vật tư Vận tải Xi măng: vốn mạnh là điều kiện thuận lợi để VICEM Hoàng Mai tiếp tục duy trì quan hệ cung – cầu với doanh nghiệp này.** **- Khách hàng: nhận lợi ích từ sản phẩm với tiêu chí bền vững, được hưởng lợi từ an sinh xã hội và môi trường sống xanh do VICEM Hoàng Mai góp phần tạo dựng.**

VICEM Hoàng Mai tự nhận thấy tính cấp thiết của việc đầu tư nâng cao hơn nữa năng lực sản xuất, tiêu thụ và sức khỏe tài chính thông qua việc trung thành đầu tư vào dòng sản phẩm chính là xi măng và clinker để gắn kết bền chặt hơn với các bên liên quan: hợp tác tốt với Tổng công ty trong chiến lược dài hạn về kinh doanh, đầu tư và đóng góp cho môi trường xã hội, từ đó nhận được sự đồng thuận từ phía khách hàng , ủng hộ từ phía người tiêu dùng do xu hướng phát triển sản phẩm xanh đang ngày càng phát triển ở Việt Nam. Sản phẩm không chỉ phải có chất lượng tốt mà doanh nghiệp cũng cần có những đóng góp thiết thực cho xã hội và thể hiện sự tôn trọng với môi trường sống của người dân. Ý thức được điều đó, VICEM Hoàng Mai đã vận dụng trong chiến lược dài hạn về sự phát triển của mình để hướng tới sự phát triển hài hòa và bền vững.

7. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Phát huy thế mạnh về tiềm năng nguồn nguyên liệu và điều kiện hạ tầng để phát triển sản xuất, kinh doanh xi măng nhằm chiếm lĩnh thị phần cốt lõi (tỉnh Nghệ An) đồng thời mở rộng tiêu thụ ở các địa bàn mới; Xuất khẩu xi măng ra nước ngoài..
- Triển khai thực hiện dự án thay hệ thống cân cấp than cho vòi đốt lò nung và vòi đốt calciner, thay khoanh lò nhằm giảm tiêu hao nhiệt năng, nâng cao năng suất và chất lượng Clinker.
- Thực hiện tốt các định mức tiêu hao trong sản xuất; tăng cường kiểm soát vật tư, phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào để giảm tồn kho hàng hóa đến mức hợp lý nhất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để không có nợ xấu.
- Tiết kiệm năng lượng: Để thực hiện chương trình tiết kiệm năng lượng cho chi phí sản xuất, góp phần làm giảm giá thành sản phẩm, Ban lãnh đạo Công ty đã lập kế hoạch chạy máy nghiền xi măng, nghiền liệu vào giờ thấp điểm để tiêu hao điện năng sản xuất xi măng và clinker giảm thấp hơn so với định mức. Đồng thời Công ty mạnh dạn thực hiện rút ngắn thời gian sấy lò nung, dừng đốt dầu MFO chuyển sang đốt than ngay sau khi xử lý xong sự cố dừng lò nhằm giảm đáng kể tiêu hao dầu.
- Công ty tăng cường công tác quản lý, theo dõi bảo dưỡng thiết bị để xử lý kịp thời những sự cố về cơ, điện, công nghệ trong dây chuyền sản xuất để đưa thiết bị trở lại hoạt động nhanh chóng, ổn định. Giám sát chặt chẽ phối liệu để giữ ổn định. Thực hiện tốt quy trình quy phạm quản lý chất lượng.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh: Ban Lãnh đạo Vicem Hoàng Mai đưa ra kế hoạch thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời những thông tin về thị trường ở tất cả các địa bàn, trên cơ sở đó để kịp thời đề xuất cơ chế giá bán khuyến mại linh hoạt, thực hiện các chương trình chăm sóc trực tiếp Nhà phân phối, cửa hàng vật liệu xây dựng: Chính sách khuyến mại, hỗ trợ tiếp thị công trình, dự án, tổ chức các chương trình tri ân khách hàng…Cải thiện các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, hậu mãi…
- Tiếp tục tái cơ cấu hệ thống phân phối, kênh bán hàng đặc biệt tại địa bàn chính của công ty, một mặt nhằm hạn chế cạnh tranh nội bộ, tăng năng lực cho nhà phân phối có gắn kết vì mục tiêu lâu dài.
- Đầu tư cho tương lai để mở rộng quy mô và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về ngành công nghiệp xi măng.

- Tối ưu hóa năng lực sản xuất của dây chuyền công nghệ, áp dụng các công cụ tiên tiến trong quản lý sản xuất. Vận hành hiệu quả, ổn định để nâng cao sản lượng sản xuất, đảm bảo nguồn cung hàng, nhất là những tháng xây dựng cao điểm, kiểm soát sự tuân thủ quy trình công nghệ, sản xuất, để sản xuất ra sản phẩm xi măng ổn định chất lượng; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng;
- Đồng hành cùng khách hàng, nắm bắt các mong muốn, băn khoăn của khách hàng để cung cấp cho khách hàng các sản phẩm có chất lượng ổn định và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn các yêu cầu của người tiêu dùng;
- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giảm thời gian dừng lò để sửa chữa nhằm đạt và vượt công suất thiết kế; Nâng cao chất lượng và mác xi măng, tối ưu tỷ lệ pha phụ gia, tro xỉ nhiệt điện, xỉ hạt lò cao… để giảm tỷ lệ clinker, giảm lượng khí thải CO, NOx, SO2, hydrocacbon…;
- Sản xuất các chủng loại xi măng mác cao, xi măng bền sunphat sử dụng cho những công trình chịu tác động của nước biển, vùng đất nhiễm mặn,…giúp tăng cường khả năng chống ăn mòn của các ion sulfat, clo cho bê tông... Tăng tỷ trọng các sản phẩm sau sản xuất xi măng như bê tông, gạch không nung để nâng cao được sức cạnh tranh;
- Tận dụng và tái chế chất thải: ứng dụng công nghệ tái chế chất thải công nghiệp để làm nhiên liệu, làm phụ gia cho xi măng để giảm giá thành, triển khai sản xuất chủng loại xi măng chuyên dùng xây trát cao cấp, hướng vào phân khúc thị trường xi măng giá thấp.
- Giảm nồng độ bụi trong sản xuất xi măng thông qua việc trang bị đồng bộ hệ thống thiết bị lọc bụi túi thế hệ mới thay thế lọc bụi tĩnh điện để đảm bảo giảm nồng độ bụi trong khí thải.
- Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, đội ngũ kỹ sữ, tư vấn, thiết kế, nghiên cứu ứng dụng, hoàn thiện công tác quản trị và nhân sự nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của công ty hướng đến phát triển bền vững, bắt kịp trình độ khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến của thế giới, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất xi măng trong và ngoài nước thông qua việc triển khai các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ kế toán, thuế và kỹ năng bán hàng cho nhân viên thị trường của công ty và các nhà phân phối, bổ sung kiến thức xi măng, bê tông, kiến thức marketing cho các nhân viên thị trường. Từ đó, mở rộng độ phủ của sản phẩm xi măng Hoàng Mai trên thị trường.

Trong 17 mục tiêu phát triển bền vững được Liên hợp quốc đặt ra trong giai đoạn 2015 – 2030, VICEM Hoàng Mai chủ yếu hướng tới mục tiêu "Cuộc sống khỏe mạnh" cho người dân, "Việc làm đàng hoàng và Tăng trưởng kinh tế" cho địa phương và toàn xã hội, "Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm" và tôn trọng "Tài nguyên đất – Tài nguyên nước" thông qua việc áp dụng chặt chẽ các tiêu chuẩn chất lượng và môi trường theo chuẩn ISO.

Ở thời điểm hiện tại, lãnh đạo VICEM Hoàng Mai cố gắng cụ thể hóa các mục tiêu bằng con số cụ thể tại mục tiêu, kế hoạch được thông qua hàng năm bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty, các mục tiêu được đảm bảo tính khả thi của chiến lược bằng thời hạn. Bằng việc đặt ra các mục tiêu định lượng, ban lãnh đạo VICEM Hoàng Mai thể hiện niềm tin vào sự tiến bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như cam kết với các bên liên quan về các tiêu chí phát triển của mình.

C.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nhà máy xi măng Hoàng Mai lung linh trong đêm

1. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

1.1. Nhận định chung về thực trạng nền kinh tế năm 2017

Thuận lợi:

- GDP Việt Nam năm 2017 tăng 6,81%, đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2013-2017, vượt mục tiêu đề ra. Theo tổng kết từ Tổng cục Thống kê, GDP khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,0%, trong đó riêng ngành Xây dựng duy trì tăng trưởng khá với tốc độ 8,7%;
- Lãi suất cho vay giảm nhẹ và ổn định. Ở các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lãi suất dao động ở mức từ 6,8% đến 9%/năm trong ngắn hạn; 9,3% đến 11%/năm đối với trung và dài hạn.
- Xuất khẩu được đẩy mạnh: kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 213,77 tỷ USD trong năm 2017, tăng 21,1% so với năm trước;
- Vốn đầu tư toàn xã hội năm 2017 đạt 1.667,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2016 và chiếm 33,3% GDP;
- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam trong công tác sản xuất, kinh doanh. Sự quan tâm, ủng hộ của các cấp chính quyền và các cơ quan ban ngành tỉnh Nghệ An, tỉnh Thanh Hóa, sự hợp tác, ủng hộ của các nhà phân phối, các khách hàng tiêu thụ xi măng Vicem Hoàng Mai.

Khó khăn:

- Tình hình mưa lũ kéo dài liên tiếp trong Quý III/2017 và tháng 10/2017 ảnh hưởng rất lớn tới các hoạt động xây dựng công trình cũng như hoạt động vận chuyển, vận tải hàng hóa. Từ đó tác động làm giảm mạnh sản lượng xi măng tiêu thụ của toàn công ty;
- Trên địa bàn tiêu thụ chính của VICEM Hoàng Mai tính đến cuối năm 2016 - đầu năm 2017 đã có thêm nhiều dây chuyền mới đi vào hoạt động, nâng nguồn cung clinker - xi măng lên thêm 12,6 triệu tấn/năm. Công suất thiết kế của ngành xi măng Việt Nam được đẩy lên mức cao hơn với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp mới, trong đó Vissai Sông Lam sản xuất 4,6 triệu tấn/năm, Công Thanh sản xuất 6 triệu tấn/năm và Long Sơn sản xuất 2 triệu tấn/năm. Yếu tố này khiến cho thị trường xi măng tiếp tục cung vượt quá cầu nên tình trạng cạnh tranh càng quyết liệt hơn;
- Chỉ số giá nguyên – nhiên – vật liệu dùng trong xây dựng tăng 5,61%, liên tục cho thấy những dấu hiệu khó ước đoán về tính biến động của giá nguyên vật liệu trong suốt năm;

- Sau khoảng thời gian gần ba năm giữ nguyên giá bán, ngành điện bắt đầu ước vào đợt điều chỉnh giá mới với mức tăng 6,08% so với giá bình quân ở thời điểm trước đó, ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí sản xuất kinh doanh của công ty;
- Lãi suất ngân hàng tuy giảm nhưng các doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận được nguồn vốn vay để phục hồi sản xuất và kinh doanh do chính sách cho vay còn tồn tại nhiều điều kiện ràng buộc;
- Tình hình chính trị bất ổn tại Philippines bắt đầu vào tháng 4 ảnh hưởng tới việc xuất khẩu xi măng và clinker trong nước nói chung và VICEM Hoàng Mai nói riêng do đây là thị trường xuất khẩu chủ yếu của công ty ở thời điểm hiện tại.

1.2. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017 đã đề ra

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch
Doanh thu thuần	1.661	1.422	85,61%
Lợi nhuận trước thuế	61,20	6,11	9,98%

So sánh tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Khép lại năm tài chính 2017, trong bối cảnh nhiều khó khăn với ngành xi măng, tuy nhiên Ban lãnh đạo công ty vẫn tin tưởng để hướng đến mục tiêu tăng trưởng cao vào năm 2018.

1.3. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh 2017

Trong năm 2017, Công ty cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai tiếp tục tập trung nguồn lực cho sản xuất kinh doanh xi măng và clinker – sản phẩm chủ lực luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của công ty.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng trưởng 2017 so với 2016
Doanh thu thuần	1.581,00	1.422,00	89,94%
Lợi nhuận gộp	259,09	189,64	73,19%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	57,46	4,19	7,29%
Lợi nhuận trước thuế	60,62	6,11	10,08%
Lợi nhuận sau thuế	52,17	1,61	3,09%

So sánh một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 với năm liền trước

Qua bảng phân tích trên, có thể nhận thấy các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của VICEM Hoàng Mai trong năm 2017 đều có sự sụt giảm so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần của công ty giảm 159 tỷ đồng, đạt 89,94% so với doanh thu năm ngoái; lợi nhuận gộp giảm 69,45 tỷ đồng, đạt 73,19% so với lợi nhuận gộp 2016; lợi nhuận thuần giảm 53,27 tỷ đồng, đạt 7,29% so với chỉ tiêu tương ứng của năm liền trước; lợi nhuận trước và sau thuế cũng ở tình trạng tương tự khi chỉ đạt tỷ lệ lần lượt 10,08% và 3,09% so với năm 2016. Các chỉ tiêu tài chính thể hiện sự khó khăn trong công tác tiêu thụ sản phẩm và sự cạnh tranh gay gắt của thị trường, đặc biệt tại khu vực địa bàn tiêu thụ của VICEM Hoàng Mai.

Đối với sản phẩm chính là xi măng và clinker, Ban Giám đốc thực hiện báo cáo và đánh giá chi tiết về kết quả sản xuất, tiêu thụ

a. Kết quả sản xuất sản phẩm clinker - xi măng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện			
			Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	TH.2017/ KH.2017 (%)	TH.2017/ TH.2016 (%)
SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY						
Xi măng	Tấn	1.600.000	1.466.783	1.358.158	84,88%	92,59%
Clinker	Tấn	1.300.000	1.269.240	1.261.883	97,07%	99,42%

Trong năm 2017, lượng sản xuất clinker giảm nhẹ so với năm liền trước. Cụ thể sản lượng clinker năm 2017 đạt 1.261.883 tấn, tương đương với 99,42% khối lượng thực tế năm 2016, đóng góp 97,07% trong chỉ tiêu kế hoạch năm. Riêng với mặt hàng xi măng, sản lượng năm nay chỉ đạt 1.358.158 tấn, thực hiện được 84,88% kế hoạch đầu năm đã đề ra và bằng 92,59% sản lượng năm 2016. Các chỉ tiêu phản ánh năng lực sản xuất của VICEM Hoàng Mai sẵn sàng đáp ứng đầy đủ nhu cầu người tiêu dùng mặc dù năm 2017 là một năm khó khăn đối với ngành. **Biểu đồ dưới** cho thấy lượng sản xuất clinker tăng cao nhất trong tháng 5 với thời tiết khô ráo, thuận lợi cho việc thi công các công trình xây dựng.

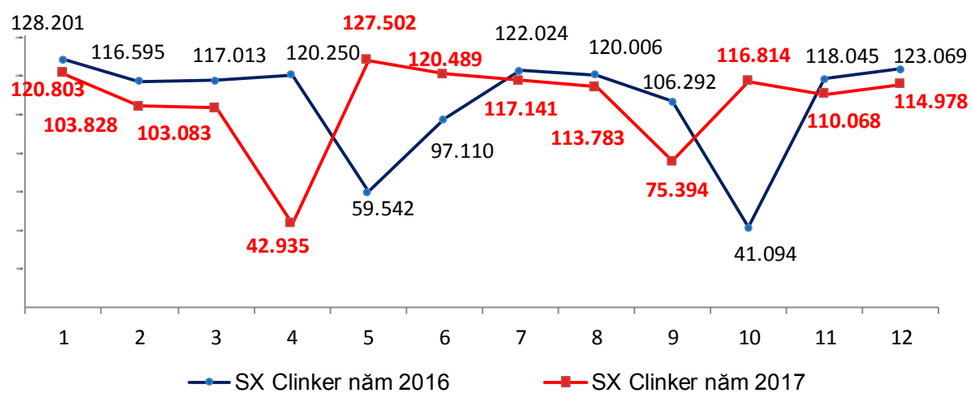

Sản xuất clinker theo tháng năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016

b. Kết quả tiêu thụ sản phẩm clinker - xi măng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện			
			Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	TH.2017/ KH.2017 (%)	TH.2017/ TH.2016 (%)
TIÊU THỤ						
Tổng SLTT	Tấn	1.785.000	1.699.702	1.589.849	89,07%	93,54%
Xi măng	Tấn	1.600.000	1.498.278	1.394.055	87,13%	93,04%
Clinker	Tấn	185.000	201.424	195.794	105,83%	97,20%

Năm 2017, tổng sản lượng tiêu thụ VICEM Hoàng Mai đạt 1.589.849 tấn, giảm 6,46% so với cùng kỳ 2016 và đạt 89,07% so với kế hoạch. Trong đó sản lượng xi măng tiêu thụ đạt mức 1.394.055 tấn, giảm 104.223 tấn tương đương mức giảm 6,96% so với năm 2016. Đối với mặt hàng clinker, sản lượng tiêu thụ năm 2017 đạt mức 195.794 tấn, đạt 97,20% so với năm 2016 và vượt mức 5,83% so với kế hoạch năm. Về tổng quan, lượng xi măng tiêu thụ trong năm 2017 của Công ty tại hầu hết các địa bàn đều giảm so với cùng kỳ năm 2016.

c, Đánh giá công tác tiêu thụ sản phẩm clinker - xi măng 2017

Nguyên nhân làm giảm sản lượng:

Trong năm 2017, sản lượng xi măng tiêu thụ giảm so với năm 2016 do một số nguyên nhân khách quan tác động tới thị trường tiêu thụ của VICEM Hoàng Mai. Trong đó phải kể đến một số nguyên nhân chính như sau:

- Việc phân lại địa bàn tiêu thụ, phân lại hệ thống nhà phân phối không đạt hiệu quả như mong muốn. Thị trường tiêu thụ bị co hẹp: Từ 01/04/2017, Vicem Hoàng Mai rút khỏi thị trường Quảng Bình, Quảng Trị và đến ngày 15/5/2017 tiếp tục bàn giao thị trường Hà Tĩnh cho Vicem Bỉm Sơn theo định hướng chung của Tổng Công ty. Tuy nhiên, sản lượng xi măng gia công cho Vicem Bỉm Sơn đạt thấp và ngày càng sụt giảm;

- Năng lực cạnh tranh của Xi măng VICEM Hoàng Mai giảm sút. Đầu tháng 6/2017, trạm nghiền xi măng Nghi Thiết công suất 3,5 triệu tấn/năm của xi măng Vissai Sông Lam đã đi vào hoạt động, tiếp tục gây khó khăn cho xi măng VICEM tại địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh;

- Các địa bàn tiêu thụ chính lại là các địa điểm chịu ảnh hưởng tới trong mùa mưa bão kéo dài trong Quý III năm 2017, việc tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn.

Công tác phối hợp thị trường:

- Việc phối hợp thị trường giữa Hoàng Mai – Bỉm Sơn – Nghi Sơn được duy trì thường xuyên, tạo sự thống nhất về giá bán trên thị trường;

- Sự phối hợp thị trường giữa các đơn vị khác trong VICEM đã có sự trao đổi thông tin để cùng nhau hỗ trợ xử lý khi thị trường có những diễn biến bất thường, thực hiện họp bàn kế hoạch phối hợp thị trường tháng tiếp theo;

- Hàng tháng, VICEM Hoàng Mai đã thực hiện văn bản báo cáo phối hợp thị trường gửi về Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo quy định.

1.4. Nhận định kết quả và hạn chế trong hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2017

Nhận định về kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2017:

- Điều hành cơ chế chính sách tương đối linh hoạt, kịp thời tăng khả năng cạnh tranh cho xi măng Vicem, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho hệ thống phân phối.

- Mặc dù đối mặt nhiều khó khăn, sản lượng, thị phần tại địa bàn chính Nghệ An giảm mạnh trong 9 tháng đầu năm 2017, nhưng trong Quý IV Vicem Hoàng Mai dần khắc phục các khó khăn, điều hành chính sách sát với diễn biến thị trường và đang trong đà phục hồi, duy trì thị phần xi măng tại Nghệ An trên 40%.

- Thực hiện kịp thời các định hướng của Tổng công ty, tích cực phối hợp với các đoàn, nhóm công tác Vicem khắc phục những mặt tồn tại, cải thiện công tác bán hàng, tổ chức lại nhân sự về tiêu thụ.

- Phối hợp với tổ công tác Vicem khảo sát, đánh giá thị trường Nghệ An, Hà Tĩnh và đã thực hiện hợp nhất thương hiệu chung Vicem tại địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh từ ngày 15/5/2017.

- Tổ chức hội nghị khách hàng công bố việc hợp nhất tại 03 vùng địa bàn Nghệ An.

- Làm việc với từng NPP, phân công địa bàn tiêu thụ, chuyển giao hệ thống cửa hàng, khách hàng tại từng vùng sau khi hợp nhất đảm bảo phù hợp với thế mạnh của từng NPP.

- Về quản lý địa bàn tiêu thụ: Cơ bản các vi phạm về quản lý địa bàn giảm rõ rệt, số lần phạt vi phạm năm 2017 là 01 lần, giảm 07 lần so với năm 2016.

Nhận định những hạn chế cần khắc phục trong hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2017:

- Khả năng dự báo và ứng phó trước sự xâm nhập mạnh của các loại xi măng mới còn hạn chế, thiếu đối sách kịp thời.
- Chưa có giải pháp hiệu quả thúc đẩy tăng sản lượng tại những vùng có thị phần, độ phủ thấp. Việc rà soát, đánh giá và điều chỉnh chính sách bán hàng chưa thực sự tốt.
- Các giải pháp thúc đẩy tăng sản lượng, thị phần tại các vùng khó như Vinh, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Lộc.... như chương trình Nhà thầu dân dụng, Thưởng du lịch, Chương trình phân chia địa bàn,... tuy có kết quả nhưng chưa đạt mục tiêu.
- Việc định vị và phát triển xi măng C91 tại các vùng đô thị chưa hiệu quả, đặc biệt là công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm.
- Tại các địa bàn giáp ranh còn tình trạng bán trái vùng, ảnh hưởng đến hiệu quả, tâm lý kinh doanh của hệ thống.
- Tuy sự phối hợp giữa khối sản xuất và tiêu thụ có sự điều phối tốt, tuy vậy vẫn còn những vẫn đề cần khắc phục để nâng cao năng lực xuất xi măng, đảm bảo chất lượng theo nhu cầu của khách hàng, tăng tính cạnh tranh so với đối thủ như: nâng cao cường độ phát triển sớm R3- R7, chất lượng bao bì, khâu điều phối đóng bao, lưu kho các loại bao jumbo, bao sling, bao xi măng xuất khẩu,...

1.5. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2018

Căn cứ trên dự báo cung cầu xi măng, khả năng huy động thiết bị và các nguồn lực của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu
I	**SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT**		
1	Clinker	Tấn	1.300.000
2	Xi măng sản xuất tại nhà máy	Tấn	1.600.000
II	**SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ**		1.670.000
1	Clinker	Tấn	70.000
2	Xi măng	Tấn	1.600.000
III	**CHI PHÍ**		
	- Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	112,60
	- Tổng chi phí bán hàng	Tỷ đồng	78,70
	- Tổng chi phí quản lý DN	Tỷ đồng	77,40
	- Chi phí tài chính	Triệu đồng	23,50
IV	**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**		
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.501,90
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	23,00
3	EBITDA	Tỷ đồng	182,40
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	51,20
5	Ngân sách Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	58,30
6	Chi phí sửa chữa nâng cấp tài sản	Tỷ đồng	5,30
7	Chi phí sửa chữa tài sản vật kiến trúc	Tỷ đồng	6,90
8	Chi phí sửa chữa tài sản cố định	Tỷ đồng	105,60

* Kế hoạch đầu tư xây dựng: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và các năm trước về việc đầu tư dự án Nhà máy xi măng Hoàng Mai 2 và thống nhất tiếp nhận từ Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam "Dự án Nhà máy kết cấu bê tông và vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi" và "Dự án cảng Vicem Đông Hồi". Theo đó, hiện nay Công ty đang tích cực làm việc với Ủy ban nhân dân Tỉnh, các Sở ban ngành có liên quan, đơn vị tư vấn về việc lựa chọn vị trí đặt nhà máy chính, lập dự án đầu tư và thực hiện các bước chuẩn bị cho đầu tư dự án Hoàng Mai 2.

❖ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

Về tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư:

Trong kỳ, Công ty đã trả nợ gốc vay dài hạn cho quỹ Co-oét nguyên tệ 189.999 USD tương đương 4.183.617.870 đồng. Tới thời điểm 31/12/2017 số dư ngoại tệ của Vicem Hoàng Mai chỉ còn 188.800USD, tương ứng với 2 kỳ trả nợ trong năm 2018, nên không chịu nhiều áp lực về trả nợ vay ngoại tệ. Số dư nợ vay và nợ tới ngày 31/12/2017 là 359,154 tỷ đồng là vay và nợ ngắn hạn để phục vụ sản xuất kinh doanh

Về tình hình huy động vốn, nhằm mục đích tìm kiếm nguồn tài trợ cho phương án SXKD, công ty đã tiến hành ký kết các hợp đồng tín dụng ngắn hạn với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng: Ngân hàng Công thương bắc Nghệ An hạn mức 500 tỷ đồng, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Phủ Diễn hạn mức 200 tỷ đồng, ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thành Công, Hà Nội hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng. Toàn bộ số vốn vay được Công ty sử dụng đúng quy định và hiệu quả.

Về tình hình thực hiện các dự án lớn:

Kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng dự án nhóm A, B, C năm 2017 chỉ đạt 34,29% kế hoạch năm, nguyên nhân là do các dự án lớn đang ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư nên gặp nhiều khó khăn trong thủ tục xin phép đầu tư:

Đối với các dự án nhóm C:

- Dự án đường ống cấp nước thô từ giếng khoan về nhà máy đã hoàn thành khối lượng và bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng trong tháng 10/2017;
- Dự án xin cấp lại giấy phép khai thác mỏ đá vôi Hoàng Mai B đã hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường Tuy nhiên đến nay vẫn chưa được cấp giấy phép khai thác được cấp là do đang có ý kiến về công suất khai thác phải được chính phủ chấp thuận;
- Dự án đền bù giải phóng mặt bằng chậm tiến độ là do công việc xác định nguồn gốc sử dụng đất có nhiều vước mắc như đất thuộc địa bàn tỉnh Thanh Hóa quản lý, nhưng người dân của Nghệ An lại canh tác, không có sự theo dõi của chính quyền về nguồn gốc sử dụng đất, nên khi xác định nguồn gốc sử dụng còn có sự tranh chấp, bên cạnh đó trên địa bàn huyện Tỉnh Gia có nhiều dự án đầu tư nên Hội đồng đền bù dành nhiều thời gian cho dự án mới đầu tư trên địa bàn huyện.

2. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017

❖ Việc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền:

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định năm 2017 Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp và 10 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua việc giao ban công việc hàng tháng, tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD trong năm 2017 thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT; Xem xét, giám sát báo cáo tài chính của Ban điều hành. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

Việc tổ chức các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị từ thông báo mời họp, chương trình nghị sự, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ quyết định tại cuộc họp cũng như các cuộc họp không trực tiếp theo hình lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định từ thể thức, nội dung và tài liệu liên quan đều được Hội đồng quản trị thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Những vấn đề Hội đồng quản trị bàn thảo, quyết định tại cuộc họp đều được ghi lại bằng biên bản; các quyết định Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được ban hành bằng Nghị quyết để cơ quan điều hành thực hiện và được lưu giữ đầy đủ, đúng quy định.

Trên cơ sở các tài liệu được chuẩn bị chi tiết, chu đáo của cơ quan điều hành và được gửi trước, với tinh thần trách nhiệm cao của mỗi thành viên nên các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua sát với yêu cầu thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty đặt ra; tất cả các quyết định được thông qua với tỷ lệ 100% thành viên tham gia dự họp tán thành.

❖ Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, các đồng chí trong Ban Tổng Giám đốc phải trình bày báo cáo và kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ mình phụ trách. Năm 2017, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để điều hành. Cơ quan điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và thực hiện tiết giảm các định mức trong sản xuất.

2.2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

❖ Về tổ chức các cuộc họp HĐQT

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp và 10 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

❖ Thù lao của Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị mức: 6.000.000 đồng/người/tháng;
- Các thành viên Hội đồng quản trị với mức: 5.000.0000 đồng/người/tháng.

2.3. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

- Xây dựng Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

CỔNG VÀO CTCP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

HỆ THỐNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

KHU KHAI THÁC NGUYÊN LIỆU CỦA CÔNG TY

D.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cổng vào Nhà máy xi măng VICEM Hoàng Mai

1. THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu	
Vốn điều lệ	720 tỷ đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	72.000.000 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu lưu hành	72.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam: 70,96%

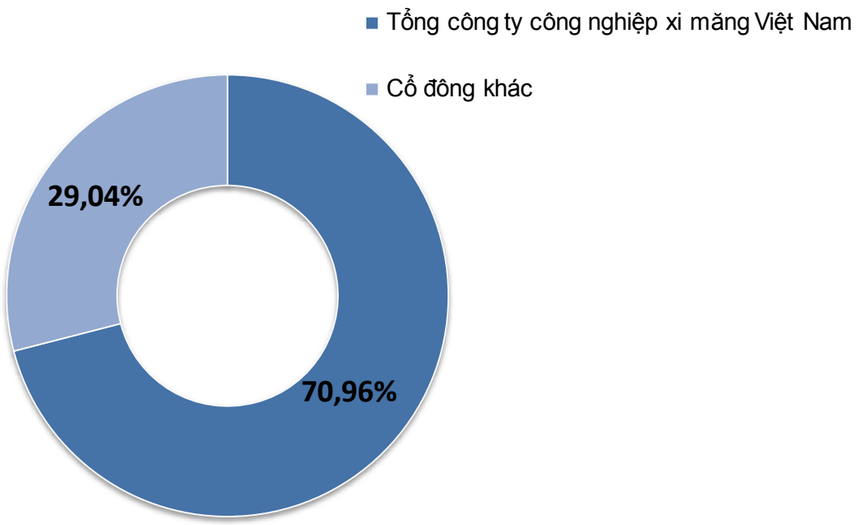

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

2. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

❖ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
2	Ông Trần Đức Danh	Thành viên	
3	Ông Đậu Phi Tuấn	Thành viên	
4	Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	
5	Ông Trần Việt Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
6	Ông Lê Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
7	Ông Đỗ Tiến Trình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
8	Bà Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2017
9	Ông Dương Đình Hội	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2017
10	Ông Nguyễn Công Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm:

1. ÔNG ĐINH QUANG DŨNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 14/8/1964
- Dân tộc: Tày Tôn giáo: không Nơi sinh: Lạng Sơn
- Số CMND : 168358456 Ngày cấp: 28/6/2011 Nơi cấp: CA Hà Nam
- Địa chỉ thường trú:

  P408 – Tòa nhà 17T8 – Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính - Quận Thanh Xuân – Hà Nội
- Quá trình công tác:

8/1988 - 02/1989 Kỹ thuật viên xưởng Đóng bao - Công ty xi măng Hoàng Thạch - Hải Dương

02/1989 - 4/1997	Kỹ thuật viên Văn phòng công nghệ - Công ty Xi măng Hoàng Thạch - Hải Dương
4/1997 - 02/2002	Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất - Công ty Xi măng Bút Sơn - Hà Nam
02/2002 - 4/2003	Phó Giám đốc Công ty Xi măng Tam Điệp - Ninh Bình
4/2003 - 12/2009	Phó Giám đốc Công ty Xi măng Bút Sơn - Hà Nam
12/2009 - 4/2013	Trưởng phòng Tổ chức và Nguồn nhân lực - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
5/2013 đến nay	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
9/2010 đến nay	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
02/2018 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

2. ÔNG TRẦN ĐỨC DANH - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm sinh: 06/07/1973
- Số CMND: 182308718
- Nơi sinh: Đô Lương - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Yên Sơn - Đô Lương - Nghệ An
- Quá trình công tác:

1993- 1995	Đi bộ đội.
1996 - 10/2014	Kinh doanh tại Nghệ An.
Tháng 11/2014 - nay	Uỷ viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

3. ÔNG ĐẬU PHI TUẤN - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

- Năm sinh: 27/08/1973
- Số CMND: 181908582
- Nơi sinh: Quỳnh Lưu - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khối 1 - TX Hoàng Mai, Nghệ An
- Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

1996 – 1997: Chuyên viên P.Hành chính quản trị Công ty KukDong Hàn Quốc.

1998 –10/1999: Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty KukDong – Hàn Quốc.

2000 – Tháng 03/2006: Chuyên viên phòng Tổ chức lao động Công ty CP XM Hoàng Mai.

2006 – 2007: Phó trưởng phòng Tổ chức lao động Công ty CP XM Hoàng Mai.

2008 – Tháng 07/2009: Phó chánh văn phòng – thư ký giám đốc – thư ký Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Hoàng Mai.

2010 – 2012: Trưởng phòng Tổ chức - Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ - Bí thư chi bộ phòng Tổ chức Công ty CP xi măng Hoàng Mai.

2013 – 30/5/2014: Trưởng phòng Kế hoạch - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

30/5/2014-1/2016 : Chủ tịch Công đoàn Công ty

1/2016 đến nay: Trưởng phòng Kế hoạch Chiến lược

4. ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Năm sinh: 17/06/1972
- Số CMND: 181791170
- Nơi sinh: 21B2 - Đường Duy Tân - Khối An Vinh, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 21B2 - Đường Duy Tân - Khối An Vinh, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
- Trình độ: Cử nhân tài chính - kế toán, Thạc sỹ kinh tế.
- Quá trình công tác:

1995 - 1996	Công tác tại nhà máy dệt kim Hoàng Thị Loan.
1996 - 1998	Công tác tại Phòng TCKT - Công ty Xi Măng Hoàng Mai.
1998 - 2005	Phó phòng TCKT - Công ty Xi Măng Hoàng Mai.
2005 - 2007	Phụ trách phòng TCKT, Trưởng phòng TCKT Công ty Xi Măng Hoàng Mai
2007 - 03/2008	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai.
04/2008 – 12/2010	Kế toán trưởng, Ủy viên HĐQT CTCP Xi măng VICEM Hoàng Mai.
01/2011 – 10/2017	Phó Tổng GĐ, Ủy viên HĐQT CTCP Xi măng VICEM Hoàng Mai.
10/2017 – nay	Tổng giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Xi măng VICEM Hoàng Mai.

5. ÔNG TRẦN VIỆT HỒNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh : 20/07/1971
- Số CMND : 141 955 002 Ngày cấp : 04/09/197 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Nơi sinh : Đô Lương – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Hoàng Mai – Quỳnh Lưu – Nghệ An
- Trình độ : Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:

1995 - 1999	Kỹ thuật viên Xưởng cơ khí - Công ty XM Hoàng Mai
1999 - 2000	Trưởng ca Xưởng cơ khí - Công ty xi măng Hoàng Mai
2001 - 2004	Phó Quản đốc Xưởng cơ khí - Cty xi măng Hoàng Mai
2004 - 2007	Quản đốc Xưởng cơ khí - Công ty xi măng Hoàng Mai
2008 - 2011	Trưởng phòng Cơ Điện - Công ty xi măng Hoàng Mai
2011 - Nay	Phó Tổng Giám đốc - Công ty xi măng Hoàng Mai
10/2014 - 2/2018	Phó Tổng Giám đốc Cty cổ phần xi măng Hoàng Mai
2/2018 - nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Cty cổ phần xi măng Hoàng Mai

6. ÔNG LÊ TRUNG KIÊN – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm sinh: 04/02/1975
- Số CMND: 040075000077 Ngày cấp: 08/07/2015
- Nơi sinh: xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
- Trình độ: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

6/1998-7/2004	Nhân viên phòng Kế hoạch – Công ty xi măng Hoàng Mai
8/2004 -12/2007	Nhân viên văn phòng, thư ký Giám đốc Công ty xi măng Hoàng Mai.
4/2006 -12/2007	Phó bí thư chi bộ, Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Văn phòng Công ty xi măng Hoàng Mai
01/2008 - 03/3008	Phó phòng Kế hoạch - Đầu tư Công ty xi măng Hoàng Mai
4/2008 - 12/2010	Bí thư chi bộ, Quyền trưởng phòng Vật tư, Trưởng phòng Vật tư - Công ty cổ phần xi măng Hoàng Mai. Tháng 5/2010- ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2010-2015.
12/2010 - 6/2012	Phó giám đốc Xí nghiệp Tiêu thụ Công ty CP xi măng Hoàng Mai. Từ tháng 11/2011 là Bí thư chi bộ Xí nghiệp Tiêu thụ.
7/2012 - 3/2014	Bí thư Chi bộ, Quản đốc Xưởng xây dựng & Dịch vụ Xi măng Hoàng Mai.
3/2014 đến nay	Bí thư Chi bộ, Quản đốc Xưởng Khai thác CTCP xi măng Hoàng Mai. Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2015-2020. Ủy viên Ban thường vụ Công đoàn Công ty nhiệm kỳ 2017-2020.

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm:

7. BÀ TRẦN THỊ MINH ANH – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - Miễn nhiệm ngày 02/12/2017

- Giới tính : Nữ Ngày tháng năm sinh: 26/10/1962
- Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Quảng Ngãi
- Giấy CMND số:011699960 Ngày cấp 22/7/2004 Nơi cấp: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 12, ngõ 34 Hoàng Cầu, Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất, Cử nhân ngoại thương
- Quá trình công tác:

1985 - 1990 : Tổng cục địa chất, Tổng cục dầu khí

1990 – 1998 : CV Phòng XNK - Công ty XNK xi măng

1998 – 2001 : Phó phòng XNK - Công ty XNK xi măng

2001 – 2/2010 : Phó giám đốc Công ty XNK xi măng

02/2010 đến 2015 : Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty CN xi măng Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân

2016 – 12/2017 : Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty CN xi măng Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty CN xi măng Việt Nam.

8. ÔNG ĐỖ TIẾN TRÌNH - THÀNH VIÊN HĐQT – Miễn nhiệm ngày 08/02/2018

- Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 14-06-1979
- Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Thọ Xuân – Thanh Hóa
- Số CMND : 171 848 306 Ngày cấp : 19/05/2011 Nơi cấp: CA Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Xã Yên Sơn – huyện Thọ Xuân – Thanh Hóa

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

Từ 1997 - 2002: Học ngành công nghệ vật liệu Silicat Đại học Bách khoa Hà Nội

Từ 2011-2013: Học Cao học ngành Quản trị kinh doanh - Viện Công nghệ Châu Á

Từ 9/2002 - 7/2008 : Kỹ sư vận hành, KTV Phòng Điều hành sản xuất, Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn

Từ 8/2008 - 10/2011 : Phó phòng Kỹ thuật, Ban quản lý dự án, Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

Từ 11/2011 - 2/2012: Phó phòng Kỹ thuật sản xuất/Phụ trách Phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

Từ 03/2012 - 9/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

Từ 10/2014 - 2/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn

Từ 3/2016 – nay: Trưởng phòng Kỹ thuật & Công nghệ Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam.

9. ÔNG DƯƠNG ĐÌNH HỘI – THÀNH VIÊN HĐQT

– Miễn nhiệm ngày 01/10/2017

- Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 20-09-1957
- Dân tộc: kinh Tôn giáo: Không Quê quán: Nga Sơn, Thanh Hóa
- Số CMND: 171440683 Ngày cấp: 02/12/2008 Nơi cấp: CA Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường Lam Sơn, TX Bỉm Sơn, Thanh Hóa
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi ngành thi công
- Quá trình công tác:

06/1980 – 11/1981: KTV Xưởng cấp thoát nước – Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

12/1981 – 02/1982: Trưởng ca sản xuất - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

03/1982 – 04-1982: Phó quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

05/1982 – 05/1985: Quyền quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

06/1985 – 09/1999: Quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

09/1999 – 06/2005: Trưởng phòng Tổ chức lao động Cty XM Bỉm Sơn.

07/2005 – 11/2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty Xi măng Bỉm Sơn.

12/2011 – 12/2014: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn, Bí thư Đảng ủy Công ty.

12/2014 – 10/2017: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, Bí thư Đảng ủy Công ty.

10.ÔNG NGUYỄN CÔNG HOÀ -THÀNH VIÊN HĐQT

– Miễn nhiệm ngày 08/2/2018

- Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 06/01/1958
- Dân tộc: kinh Tôn giáo: không Quê quán: Nghệ An
- Số CMND: 186528789. Ngày cấp: 27/10/2006. Nơi cấp: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: CTCP Xi măng Vicem Hoàng Mai - TX Hoàng Mai, Nghệ An
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế tạo máy
- Quá trình công tác:

1982 – 1985: Công tác tại Công ty Xi măng Bỉm Sơn, Thanh Hóa.

1985 – 1990: Thực tập sinh tại Tiệp Khắc.

1990 – 1996: Kỹ thuật viên VP cơ khí trưởng Công ty Xi măng Bỉm Sơn.

1996 – 1997: Phó quản đốc xưởng sửa chữa Công ty Xi măng Bỉm Sơn.

1997 – 2001: Phó phòng Vật tư, Công ty Xi măng Bỉm Sơn.

2001 – 2004: Trưởng phòng Vật tư, Công ty Xi măng Hoàng Mai.

2004 – 2006: Trưởng phòng Cơ điện, Công ty Xi măng Hoàng Mai.

2006 -1/2018: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty.

❖ BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2017
		Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2017
2	Ông Trần Việt Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
3	Ông Đặng Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	
4	Ông Dương Đình Hội	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2017

5	Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm vào ngày 8 tháng 2 năm 2018

Sơ yếu lý lịch các thành viên ban giám đốc đương nhiệm:

1. ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT – TỔNG GIÁM ĐỐC: Lý lịch như trên

2. ÔNG TRẦN VIỆT HỒNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC: Lý lịch như trên

3. ÔNG ĐẶNG NGỌC LONG - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh : 22/09/1965
- Số CMND : 181901530 Ngày cấp : 05/05/2007 Nơi cấp: CA Nghệ An
- Nơi sinh : Quỳnh Lưu – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P. Hưng Bình – TP Vinh – Nghệ An
- Trình độ : Cử nhân Kinh tế - Kế toán
- Quá trình công tác:

1988 - 1992	Kế toán trưởng Nhà máy rượu 3/2 Nghĩa Đàn – thuộc sở công nghiệp Nghệ An
05/1992 – 12/1992	Chuyên viên Sở công nghiệp Nghệ An
1993 - 2000	Kế toán trưởng Công ty Khoáng sản Nghệ An
2000 - 2006	Giám đốc Công ty Khoáng sản Nghệ An
2006 - 2010	Phó Giám đốc Sở Tài nguyên môi trường Nghệ An
2010 – 09/2016	Giám đốc Ban quản lý dự án Đông Hồi – thuộc Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam
9/2016 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

❖ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
2	Ông Nguyễn Hữu Thất	Thành viên	
3	Ông Lê Văn Chiên	Thành viên	
4	Bà Thái Thị Thu Hương	Thành viên	

5	Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên	
6	Ông Phạm Đức Trung	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017

Sơ yếu lý lịch các thành viên ban kiểm soát đương nhiệm:

1. BÀ NGUYỄN THỊ KIM THANH – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 22/02/1975
- Số CMND : 011922940 Ngày cấp:10/10/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Nơi sinh : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phòng 412 F2 Thành Công 2-Quận Đống Đa-Tp Hà Nội
- Trình độ : Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ 1998 – nay : Công tác tại Phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

2. ÔNG NGUYỄN HỮU THẤT - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 22/09/1961
- Số CMND : 186440219 Ngày cấp : 06/11/2004 Nơi cấp: CA Nghệ An
- Nơi sinh : Nam Đàn – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: TP Vinh – Nghệ An
- Trình độ : Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:

6/1983 – 12/1983	Tổ trưởng sửa chữa điện – Cty xi măng Bỉm Sơn
1984 – 4/1998	Trưởng ca sản xuất – Cty xi măng Bỉm Sơn
5/1998 – 2/2001	Cán bộ kỹ thuật phòng năng lượng – Công ty XM Bỉm Sơn
3/2001 – 12/2001	Cán bộ kỹ thuật phòng cơ điện: Công ty XM Hoàng Mai
2002- 4/2004	Phó quản đốc Xưởng điện – Cty xi măng Hoàng Mai
2004 - 2009	Phó quản đốc Xưởng lò nung - Cty xi măng Hoàng Mai
2010 - nay	Phó Giám đốc Xí nghiệp Bê tông - Cty XM Hoàng Mai

3. ÔNG LÊ VĂN CHIÊN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 15/04/1958
- Số CMND : 141174632 Ngày cấp : 22/06/2007 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Nơi sinh : Diễn Châu – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Hoàng Mai – Quỳnh Lưu – Nghệ An

- Trình độ : Kỹ sư tự động hóa
- Quá trình công tác:

1980 - 2000	Công nhân Xưởng điện – Công ty XM Hoàng Thạch
2001 – 3/2004	Phó Quản đốc Xưởng điện – Cty XM Hoàng Mai
4/2004 - Nay	Phó phòng Kỹ thuật và nghiên cứu triển khai

4. BÀ THÁI THỊ THU HƯƠNG - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 26/06/1985
- Số CMND : 186110374 Ngày cấp : 30/07/2001 Nơi cấp: CA Nghệ An
- Nơi sinh : Đô Lương – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: TP Vinh – Nghệ An
- Trình độ : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

  11/2009 - nay: Chuyên viên Phòng Tổ chức và nguồn nhân lực – Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

5. ÔNG NGUYỄN XUÂN SƠN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 13/12/1973
- Số CMND : 181924607 Ngày cấp : 14/04/2007 Nơi cấp: CA Nghệ An
- Nơi sinh : Diễn Châu – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P. Quán Bàu – TP Vinh – Nghệ An
- Trình độ : Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

  Từ 1996 – 1/8/2017: Cán bộ Xí nghiệp tiêu thụ Cty CP XM Vicem Hoàng Mai.

  Từ 1/8/2017 đến nay: Phó TGĐ Công ty TNHH TM&DV vận tải Viết Hải (đã chấm dứt HĐ lao động tại Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai từ 1/8/2017).

❖ KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. BÀ ĐẬU THỊ NGA – KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Năm sinh : 15/02/1980
- Số CMND : 182433886
- Nơi sinh : Hoàng Mai – Quỳnh Lưu – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khối 5, Phường Quỳnh Thiện, TX Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
- Trình độ : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

  Từ tháng 9/2003 – tháng 12/2010: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty xi măng Hoàng Mai;

Từ tháng 12/2010 - tháng 6/2011: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Hoàng Mai, Thư ký Hội đồng quản trị Công ty, Kế toán Tổng hợp phòng Tài chính kế toán.

Từ tháng 7/2011 - tháng 11/2013: là phó phòng Tài chính kế toán, Thư ký Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

Từ tháng 11/2013 - tháng 12/2014: là phụ trách phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

Từ tháng 01/2015 – tháng 10/2016: là ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2015 - 2020 (từ tháng 4/2015), Bí thư chi bộ Phòng Tài chính kế toán Công ty, Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty.

Từ tháng 10/2016 – đến nay: là ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2015 -2020, Bí thư chi bộ Phòng Tài chính kế toán Công ty, Kế toán trưởng Công ty.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

❖ Các nghị quyết/ quyết định trong năm của ĐHĐCĐ

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01/2017/NQ-ĐHĐCĐ	25/04/2017	- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT về công tác quản trị và Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2016 - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 - Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2016 - Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 - Thống nhất mức chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2017 - Thống nhất tiếp nhận Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông và Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi và Dự án Cảng Vicem Đông Hồi từ Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, với mức trả cổ tức năm 2017 dự kiến là 3% - 5% - Chuẩn thuận ông Phạm Đức Trung thôi nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Kim Thanh làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013 - 2018

4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ Các nghị quyết/ quyết định trong năm của HĐQT

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
02/NQ-XMHM-HĐQT	18/01/2017	- Thống nhất lựa chọn các nhà thầu tham gia sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị của công ty năm 2017
06/NQ-XMHM-HĐQT	17/03/2017	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I/2017 và kết quả 02 tháng đầu năm 2017, triển khải nhiệm vụ quý II/2017 - Giao Ban điều hành tìm đối tác cung cấp nguồn than nhập khẩu có chất bốc phù hợp với lò nung của công ty - Thông qua nội dung chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông năm 2017 - Về công nợ: Giao Ban điều hành tiếp tục chỉ đạo các phòng ban liên quan thực hiện các biện pháp thu hồi các khoản công nợ phải thu và thanh toán các khoản công nợ phải trả cho khách hàng theo quy định - Chủ trương tách Dự án xi măng Hoàng Mai 2 thành 2 dự án là: Dự án trạm nghiện xi măng Đông Hồi và Dự án xi măng Hoàng Mai 2 - Giao Ban điều hành đề nghị Tổng công ty chuyển quyền sở hữu dự án VLXD không nung Đông Hồi và dự án cảng biển VICEM về Vicem Hoàng Mai quản lý - Thống nhất phê duyệt quỹ tiền lương năm 2016 đối với người lao động và người quản lý công ty - Thông qua công tác gia công sản xuất đá VLXD từ đá phi nguyên liệu và công tác khải thác, bốc xúc đá vôi cho sản xuất xi măng - Giao Ban Tổng giám đốc xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại hoạt động của xưởng. Khai thác và tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị có năng lực để thuê thực hiện các công đoạn khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá vôi nhằm giảm giá thành - Thông qua công tác bổ nhiệm lại cán bộ
10/NQ-XMHM-HĐQT	13/06/2017	- Thống nhất ủy quyền cho Tổng giám đốc đàm phán, ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. - Về dự án Xi măng Hoàng Mai 2: thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám đốc làm văn bản báo cáo Tổng công ty về những nội dung Công ty đã triển khai thực hiện. - Giao cho Ban Tổng Giám đốc điều hành làm việc với Tổng Công ty và UBND tỉnh Nghệ An để triển khai các thủ tục dự án xây dựng cảng tạm tại Đông Hồi. - Thông qua việc đề nghị Tổng Công ty có các biện pháp trực tiếp hỗ trợ cho Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai để tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đầu tư tạo điều kiện cho Công ty phát triển ổn định theo định hướng chiến lược chung của Tổng Công ty. - Thống nhất phê duyệt chủ trương triển khai gối thầu thuê ngoài khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá vôi. Giao cho Ban điều hành chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đấu thầu.
13/NQ-XMHM-HĐQT	24/06/2017	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý II và 6 tháng đầu năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ quý III/2017. - Thông qua mức khoán chi phí cho các Xí nghiệp năm 2017 trên cơ sở quản lý chặt chẽ, tiết kiệm và không vượt mức năm 2016. - Vê công tác đầu tư xây dựng; HĐQT thống nhất ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc Việt, UV Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc công ty xem xét, ký phê duyệt đề án khoan thăm dò mỏ đá vôi Bắc Thắng, mỏ sét Đá Bạc.
14/NQ-XMHM-HĐQT	29/06/2017	- Thống nhất phương án giải thể Xí nghiệp Vật liệu xây dựng; giao cho xưởng Khai thác tiếp nhận, quản lý điều hành bộ phận sản xuất VLXD từ đá phi nguyên liệu.
31/NQ-XMHM-HĐQT	29/09/2017	- Thông qua Báo cáo đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2017. - Thống nhất giao kế hoạch SXKD quý IV năm 2017 với các chỉ tiêu chính là: sản xuất 310.000 tấn Clinker, tiêu thụ 480.000 tấn XM… - Giao cho Ban điều hành chỉ đạo các đơn vị theo từng lĩnh vực, chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai xây dựng chương trình hành động, thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí trong sản xuất, đặc biệt là giảm định mức tiêu hao than, tăng cường kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào nhằm hạ giá thành sản xuất, tăng hiệu quả cho Công ty. - Giao cho Ban điều hành chỉ đạo các đơn vị theo từng lĩnh vực, chức năng nhiệm vụ được giao làm văn bản kiến nghị Tổng công ty hỗ trợ: + Tìm kiếm các đối tác để xuất khẩu 25.000 tấn xi măng C150M-12 Type 1 đóng vỏ bao PK + Sling. + Cho Vicem Hoàng Mai mở rộng địa bàn tiêu thụ ra các địa bàn khác

		ngoài Nghệ An như: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Miền Trung – Tây Nguyên, Miền Nam,... để giảm tồn kho clinker, tăng hiệu quả kinh doanh; + Xem xét miễn phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý & phát triển thị trường và phí tư vấn quản trị doanh nghiệp 6 tháng cuối năm 2017 + Hỗ trợ kinh phí giải quyết khó khăn trong công tác sắp xếp lao động, tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực, cải thiện năng suất lao động.
32/NQ-XMHM-HĐQT	29/09/2017	- Nhất trí để ông Dương Đình Hội thôi tham gia Hội đồng Quản trị Công ty theo nguyện vọng cá nhân, thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai để nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH theo quy định, kể từ ngày 01/10/2017 - Thống nhất tạm giao ông Nguyễn Quốc Việt, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai thực hiện nhiệm vụ Tổng Giám đốc Công ty lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai thay ông Dương Đình Hội, kể từ ngày 01/10/2017
35/NQ-XMHM-HĐQT	06/10/2017	- Bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Việt - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 06/10/2017
46/NQ-XMHM-HĐQT	01/12/2017	- Đồng ý để bà Trần Thị Minh Anh thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai và thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty kể từ ngày 02/12/2017. - Thống nhất tạm giao thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai cho ông Nguyễn Quốc Việt - Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 02/12/2017 (thay bà Trần Thị Minh Anh) đến khi hoàn thành việc kiện toàn nhân sự của Hội đồng quản trị tại Công ty.
51/NQ-XMHM-HĐQT	07/12/2017	- Thống nhất phê duyệt chủ trương mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá trị dự kiến mua 12 tỷ đồng và giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện.
53/NQ-XMHM-HĐQT	14/12/2017	- Phê duyệt chủ trương cho trích lập dự phòng và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty làm việc với các đối tác tham gia góp vốn về việc quyết toán trách nhiệm, quyền lợi và chi phí của các bên khi đóng Dự

		án đầu tư Khu đô thị Vicem tại Đại lộ Vinh – Cửa Lò, tỉnh Nghệ An
55/NQ-XMHM-HĐQT	20/12/2017	- Thống nhất chủ trương vận động cán bộ, người lao động tự nguyện thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh cho Công ty. - Giao cho Tổng Giám đốc phối hợp với Công đoàn Công ty chỉ đạo các đơn vị và các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, phổ biến, vận động cán bộ, người lao động thực hiện chủ trương tinh giảm lao động của Công ty
Số Quyết định	**Ngày**	**Nội dung**
15/QĐ-XMHM-HĐQT	29/06/2017	Quyết định V/v Điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty từ 18 đơn vị trực thuộc còn 17 đơn vị (phòng, ban, xưởng, xí nghiệp)
16/QĐ-XMHM-HĐQT	29/06/2017	Quyết định V/v Giải thể Xí nghiệp Vật liệu xây dựng Hoàng Mai
18/QĐ-XMHM-HĐQT	14/07/2017	Quyết định V/v phê duyệt dự án toán gói thầu "Khoan khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá vôi"
21/QĐ-XMHM-HĐQT	28/07/2017	Quyết định V/v phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu, gói thầu "Khoan khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá vôi tại mỏ đá Hoàng Mai B"
23/QĐ-XMHM-HĐQT	03/08/2017	Quyết định V/v phê duyệt chủ trương tổ chức chương trình khảo sát thị trường, học tập kinh nghiệm quản trị DN tại Châu Âu cho cán bộ, NPP chính
24/QĐ-XMHM-HĐQT	04/08/2017	Quyết định phê duyệt "Đề án thăm dò đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại khu vực Bắc Thắng, xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu và xã Nghĩa Thọ, huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An
25/QĐ-XMHM-HĐQT	04/08/2017	Quyết định phê duyệt "Đề án thăm dò đá sét làm nguyên liệu xi măng tại khu vực Đá Bạc 2, xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An
26/QĐ-XMHM-HĐQT	25/08/2017	Quyết định phê duyệt danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế gói thầu thuê bốc xúc, vận chuyển đá vôi tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B
27/QĐ-XMHM-HĐQT	28/08/2017	Quyết định phê duyệt danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế gói thầu thuê khoan khai thác đá vôi tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B
33/QĐ-XMHM-HĐQT	29/09/2017	Quyết định tạm giao cho ông Nguyễn Quốc Việt, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc Công ty, lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai thay ông Dương Đình Hội nghỉ

		hưu
36/QĐ-XMHM-HĐQT	06/10/2017	Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Việt giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai
37/QĐ-XMHM-HĐQT	12/10/2017	Quyết định phê duyệt ngân sách mua sắm vành băng đa bệ số II lò nung và các phụ kiện
38/QĐ-XMHM-HĐQT	20/10/2017	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng từ cấp tài nguyên lên cấp trữ lượng và cấp lại Giấy phép khai thác Mỏ sét Quỳnh Vinh
39/QĐ-XMHM-HĐQT	24/10/2017	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu: thuê bốc xúc, vận chuyển đá vôi tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B, thuộc dự án Thuê khoan khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá vôi tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B
40/QĐ-XMHM-HĐQT	24/10/2017	Quyết định phê duyệt thiết kế, bản vẽ xây dựng cơ bản mỏ đá vôi Hoàng Mai B
41/QĐ-XMHM-HĐQT	24/10/2017	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Khoan khai thác đá vôi tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B, thuôc dự án Thuê khoan khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá vôi tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B
50/QĐ-XMHM-HĐQT	07/12/2017	Quyết định giao cho Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đại diện cho Công ty thực hiện ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng, các giao dịch tài chính với các tổ chức tín dụng và tổ chức khác theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty
60/QĐ-XMHM-HĐQT	28/12/2017	Quyết định về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu doanh nghiệp áp dụng tại công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai từ 2.600.000 đồng/tháng lên mức 3.000.000 đồng/tháng

❖ Thay đổi nhân sự của HĐQT trong năm:

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01/2017/NQ.ĐHĐCĐ	25/04/2017	Ông Phạm Đức Trung thôi nhiệm vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty, bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Kim Thanh làm thành viên ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2.
28/QĐ-XMHM-HĐQT	01/09/2017	Quyết định về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội của Ông Dương Đình Hội - Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần xi măng Vicem Hoàng Mai.
32/QĐ-XMHM-HĐQT	29/09/2017	Ông Dương Đình Hội thôi tham gia hội đồng quản trị, thôi giữ Chức vụ Tổng giám đốc Công ty.
32/QĐ-XMHM-HĐQT	29/09/2017	Ông Nguyễn Quốc Việt Phó Tổng giám đốc Công ty giữ Chức vụ mới là Tổng giám đốc Công ty.
46/QĐ-XMHM-HĐQT	01/12/2017	Công tác nhân sự của Hội đồng quản trị (Bà Trần Thị Minh Anh không còn giữ chức chủ tịch hội đồng quản trị, ông Nguyễn Quốc Việt đảm nhận vị trí chủ chủ tịch hội đồng quản trị tạm thời từ ngày 02/12/2017
59/QĐ-XMHM-HĐQT	28/12/2017	Quyết định về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Công Hòa-Phó Tổng giám đốc công ty Cổ Phần xi măng Vicem Hoàng Mai

❖ Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Giám đốc năm 2017

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định năm 2017 Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp và 10 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua việc giao ban công việc hàng quý, tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh trong năm 2017 thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hàng gửi báo cáo HĐQT: xem xét, giám sát báo cáo tài chính của Ban điều hành, trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

5. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

5.1. Hoạt động của ban kiểm soát

❖ Các công tác đã thực hiện năm 2017

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty;

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty năm 2017, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong năm 2017;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đối với HĐQT và Ban Điều hành;
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;

Năm 2017, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm.

❖ Kế hoạch định hướng năm 2018

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát);
- Ban kiểm soát sẽ thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty;
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

5.2. Kết quả giám sát hoạt động của hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và công ty), đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm;

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:

- Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2017;
- Nghị quyết về thống nhất lựa chọn Công ty tham gia sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị của Công ty năm 2017;
- Nghị quyết thống nhất phương án giải thể XN VLXD; giao cho xưởng Khai thác tiếp nhận, quản lý điều hành bộ phận sản xuất VLXD từ đá phi nguyên liệu;
- Nghị quyết thống nhất ông Dương Đình Hội thôi tham gia HĐQT, thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty; thống nhất bà Trần Thị Minh Anh thôi tham gia HĐQT, thôi giữ chức vụ HĐQT Công ty;
- Nghị quyết bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Việt – UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc giữ chức vụ Tổng Giám đốc;
- Nghị quyết thống nhất phê duyệt chủ trương mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
- Quyết định điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty từ 18 đơn vị trực thuộc còn 17 đơn vị (giải thể XN Vật liệu xây dựng);
- Quyết định phê duyệt ngân sách mua sắm vành băng đa bệ số II lò nung và các phụ kiện;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Thuê bốc xúc, vận chuyển đá vôi; Khoan khai thác đá vôi tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B, thuốc dự án Thuê khoan khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá vôi tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B;
- Quyết định giao cho Tổng Giám đốc Công ty đại diện cho Công ty thực hiện ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng, các giao dịch tài chính với các tổ chức tín dụng và tổ chức khác theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm chức danh Phó phòng Kỹ thuật và Nghiên cứu triển khai, phó Quản đốc xưởng Sửa chữa, phó Chủ tịch công đoàn Công ty chuyên trách
- Quyết định bổ nhiệm lại chức danh Phó Quản đốc Xưởng Khai thác;
- Quyết định điều động luân chuyển cán bộ.

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017;

Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5.3. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2017, là một năm khó khăn đối với Công ty, Tổng Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp Công ty cố gắng hoàn thành kế hoạch được giao, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động;

- Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật của Việt Nam. Đối với các khoản nợ, Ban điều hành đã chỉ đạo ưu tiên thanh toán các khoản nợ đến hạn để giảm chi phí tài chính cho Công ty.

6. GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGĐ, BKS

Số thứ tự	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Mức thù lao/tháng (triệu đồng)	Tổng (triệu đồng)
1	Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 02/12/2017)	11	6.000.000	66.000.000
2	Dương Đình Hội	UV HĐQT-TGĐ (Miễn nhiệm ngày 01/10/2017)	9	5.000.000	45.000.000
3	Nguyễn Quôc Việt	UV HĐQT - TGĐ (Bổ nhiệm ngày 06/10/2017)	12	5.000.000	60.000.000
4	Nguyễn Công Hòa	UV HĐQT - PTGĐ	12	5.000.000	60.000.000
5	Đậu Phi Tuấn	UV HĐQT	12	5.000.000	60.000.000
6	Đỗ Tiến Trình	UV HĐQT	12	5.000.000	60.000.000
7	Trần Đức Danh	UV HĐQT	12	5.000.000	60.000.000
8	Phạm Đức Trung	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 25/4/2017)	4	5.000.000	20.000.000
9	Nguyễn Thị Kim Thanh	Trưởng BKS (Bô nhiệm ngày 25/4/2017)	8	5.000.000	40.000.000
10	Nguyễn Hữu Thất	TV BKS	12	4.000.000	48.000.000
11	Lê Văn Chiên	TV BKS	12	4.000.000	48.000.000
12	Nguyễn Xuân Sơn	TV BKS	12	4.000.000	48.000.000
13	Thái Thị Thu Hương	TV BKS	9	4.000.000	36.000.000

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

7. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN MỘT SỐ TIÊU CHÍ CỦA THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
A. Quyền của cổ đông					
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác), hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ ủy viên HĐQT không điều hành?	✓	✓	✓	
A.3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị?	✓	✓	✓	
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành?	✓	✓	✓	
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi hoặc kiến nghị các vấn đề?	✓	✓	✓	
A.3.7	Việc công bố kết quả của ĐHĐCĐ mới nhất có bao gồm (các) nghị quyết đại hội	✓	✓	✓	
A.3.8	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất	✓	✓	✓	
A.3.9	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự HĐQT gần nhất?	✓	✓		
A.3.10	Chủ tịch HĐQT có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	✓	✓	
A.3.11	TGĐ/Giám đốc Điều hành/Chủ tịch có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	✓	✓	
A.3.12	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?			✓	
A.3.13	Công ty có tổ chức ĐHĐCĐ gần nhất ở địa điểm dễ tới?	✓	✓	✓	
A.3.15	Công ty có biểu quyết theo số phiếu cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	✓	✓	✓	

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
A.3.17	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	✓	✓	
A.3.18	Công ty có thông báo trước tối thiểu 21 ngày đối với tất cả nghị quyết?	✓	✓	✓	
A.3.19	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	✓	✓	✓	
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích cổ đông, bao gồm cổ đông tổ chức, tham dự đại hội đồng cổ đông hoặc tham gia và đóng góp cho hoạt động của Công ty?	✓	✓	✓	
B. Đối xử bình đẳng với cổ đông					
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	✓	✓	✓	
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT (tối thiểu là tuổi, trình độ chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và nhiệm kỳ thành viên HĐQT trong các công ty niêm yết khác) sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại?	✓	✓	✓	
B.2.4	Kiểm toán viên chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	✓	✓	✓	
B.2.5	Có giải thích về chính sách cổ tức không?	✓	✓	✓	
B.2.6	Khoản phải trả cho cổ tức cuối cùng có được công bố công khai?	✓	✓	✓	
B.2.7	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	✓	✓	✓	

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	✓	✓	✓	
B.5.2	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	✓	✓	✓	

C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan					
C.1.1	Ban hành các quy định và thực thi nỗ lực nhằm bảo vệ khách hàng?	✓	✓	✓	
C.1.2	Giải thích qui trình và hoạt động lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	✓	✓	✓	
C.1.3	Mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?	✓	✓		
C.1.4	Mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?			✓	
C.1.5	Mô tả chương trình và quy trình phòng chống tham nhũng của công ty?	✓	✓		

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng…) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	✓	✓	✓	
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách về sức khỏe, an toàn, và bảo vệ cho nhân viên?	✓	✓	✓	
C.3.3	Công ty có chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	✓	✓		
D. Công bố thông tin và minh bạch					
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của chủ sở hữu thực sự, nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	✓	✓	✓	
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE/SPV)?	✓	✓	✓	
D.2.2	Mục tiêu của công ty	✓	✓	✓	
D.2.5	Chính sách cổ tức	✓	✓	✓	

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
D.2.7	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và bất kỳ thành viên HĐQT nào khác của các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	✓	✓	✓	

D.2.9	Số cuộc họp thành viên HĐQT được thực hiện trong năm	✓	✓	✓	
D.2.10	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT liên quan đến các cuộc họp đã thực hiện	✓	✓	✓	
D.2.11	Chi tiết về thù lao của mỗi thành viên HĐQT	✓	✓	✓	
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan và mối quan hệ cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	✓	✓	✓	
D.6.1	Báo cáo quý	✓	✓	✓	
D.6.2	Website của công ty	✓	✓	✓	
		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	✓	✓	✓	
D.7.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	✓	✓	✓	
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc ban điều hành công ty khẳng định?	✓	✓	✓	
D.8.1	Hoạt động kinh doanh	✓	✓	✓	
D.8.2	Báo cáo Tài chính (năm hiện tại và các năm trước đó)	✓	✓	✓	
D.8.6	Báo cáo thường niên có thể được tải về	✓	✓	✓	
D.8.7	Thông báo ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHĐCĐ bất thường	✓	✓	✓	
D.8.8	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHĐCĐ bất thường	✓	✓	✓	
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của lãnh đạo/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	✓	✓	✓	
E. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị					
E.1.1	Công ty có công bố chính sách quản trị công ty/điều lệ hoạt động của HĐQT?	✓	✓	✓	
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	✓			
		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)

E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định rõ ràng?	✓	✓	✓	
E.1.5	HĐQT có xem xét tầm nhìn và sứ mệnh/chiến lược trong năm tài chính gần nhất?	✓			
E.1.6	Thành viên HĐQT có giám sát/theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty?	✓			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	✓	✓	✓	
E.3.4	Công ty có yêu cầu cần có 2/3 thành viên HĐQT tham dự họp trong các cuộc họp có thông qua nghị quyết HĐQT?	✓	✓		
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm?	✓	✓		
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách và biện pháp khuyến khích hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGĐ?	✓	✓	✓	
		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
E.1.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	✓	✓	✓	
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	✓	✓	✓	
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai?	✓	✓		

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
A.4.2(P)	Giới hạn biểu quyết?	✓	✓	✓	

E. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Khuôn viên xanh CTCP xi măng VICEM Hoàng Mai

1. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển và mở rộng các khu công nghiệp đang là xu thế tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Nhưng vấn đề quan trọng là làm sao giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống của người dân, kiểm soát mức độ ô nhiễm môi trường trong phạm vi cho phép. Chính bởi vậy, một trong những yếu tố quan trọng để doanh nghiệp phát triển bền vững là mở rộng sản xuất phải gắn với bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin trên thị trường, hướng tới sự phát triển mang tính bền vững cho cả doanh nghiệp và cộng đồng.

Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai sở hữu một hệ thống xử lý nước thải, xử lý bụi và ô nhiễm tiếng ồn quy mô lớn. Ngay từ khi thành lập, lãnh đạo công ty đã xác định đầu tư trang thiết bị để bảo vệ môi trường, tuy đòi hỏi sự đầu tư lớn về chi phí nhưng vẫn duy trì chất lượng và giá thành sản phẩm. Chỉ khi gắn bó với trách nhiệm bảo vệ môi trường và duy trì cuộc sống lành mạnh cho người dân sống quanh khu công nghiệp, chiến lược phát triển của công ty mới thực sự bền vững.

Ông Hoàng Xuân Vịnh – Cựu Phó Giám đốc VICEM Hoàng Mai đã từng bày tỏ niềm tự hào về hệ thống sản xuất thân thiện với môi trường của doanh nghiệp: "Chúng tôi rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, đầu tư trang thiết bị và xây dựng các quy trình, thiết lập một hệ thống quy củ để quản lý môi trường một cách tốt nhất, đảm bảo các trang thiết bị hoạt động hiệu quả cũng như đạt được các chỉ tiêu chuẩn quốc gia về môi trường". Điều này đã được xác nhận khách quan hơn nữa bởi Ông Lê Văn Hưng – Phó Chi Cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường Nghệ An khi được phỏng vấn bởi Đài truyền hình Việt Nam: "Qua các công tác quản lý môi trường, kiểm tra giám sát, chúng tôi thấy rằng VICEM Hoàng Mai chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường. Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, xây dựng các công trình xử lý chất thải như lọc bụi, xử lý nước thải sinh hoạt, lọc nước thải nhiễm dầu, trồng cây xanh, vệ sinh công nghiệp,…"

Với các doanh nghiệp, ngoài cân nhắc tối đa hóa lợi nhuận, việc tìm ra một lối đi mới nhằm thực hiện tốt trách nhiệm xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong đó những cam kết bảo vệ môi trường hiệu quả đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin của công chúng cũng như sự đồng thuận từ phía người dân và chính quyền các cấp. Trường hợp vi phạm của nhiều doanh nghiệp trong khoảng thời gian gần đây ở công tác xử lý chất thải trong quá trình sản xuất là bài học đắt giá về việc coi trọng lợi nhuận bất chấp hủy hoại môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của người dân cư trú gần khu công nghiệp. Hàng loạt các hệ lụy đáng tiếc sẽ không xảy ra nếu doanh nghiệp có ý thức sớm hơn trong việc đề cao trách nhiệm với môi trường và cộng đồng địa phương ngay khi bắt tay vào việc xây dựng tổ hợp sản xuất.

2. CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

❖ *Về môi trường*

Với phương châm duy trì sản xuất kinh doanh, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luậtvề công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường, Công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu về môi trường. Cụ thể, Công ty đã và đang triển khai - sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO thải ra bên ngoài.

+ Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động SXKD. Áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường – Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015; ISO 14001-2015. Công ty tin tưởng rằng, phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Cùng với việc đảm bảo hoạt động ổn định liên tục của các hệ thống xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn; công tác bố trí nhân sự và đào tạo, huấn luyện định kỳ cho đội ngũ cán bộ phụ trách môi trường cũng được Công ty đặc biệt quan tâm. Thực tế cho thấy kết quả giám sát chất lượng môi trường của các nhà máy, tòa nhà văn phòng và các công trình, kho từ lúc hoạt động đến nay đều đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

+ Kiểm tra, đánh giá tác động của các dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, nhân dân và các doanh nghiệp.

❖ *Về xã hội và cộng đồng*

+ Thực hiện nhiều giải pháp khả thi trong công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy. Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên Công ty theo đúng yêu cầu luật định. Hàng tháng tổ chức đoàn kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động của các đơn vị trực thuộc từ đó đề xuất với chuyên môn để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, điều kiện làm việc cho người lao động;

+ Cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho 100% cán bộ công nhân viên của công ty làm việc tại Nhà máy, các kho;

+ Thường xuyên kiểm kê và đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ cứu nạn của đơn vị nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động;

+ Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm nhằm trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn lao động cho nhân viên, giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn;

+ Sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý, kết hợp với bảo vệ môi trường, xây dựng nhà máy xi măng xanh - sạch - đẹp;

+ Tham gia công tác quản lý, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động.

Với quan điểm và phương châm phát triển bền vững, Công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều biến động, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NĂM 2017

❖ *Công tác tổ chức lao động:*

- Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2017 là 953 người, trong đó có 174 lao động nữ. Hiện tại công ty đang rà soát để sắp xếp lại lao động, đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả trong công tác quản lý và sử dụng nguồn nhân lực;

- Công ty đang tiến hành rà soát lại để sửa đổi, ban hành mới quy chế tiền lương cho phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời đảm bảo tính công bằng cho cán bộ, người lao động.

❖ *Công tác tiền lương, thu nhập:*

- Năm 2017, Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, khám sức khỏe định kỳ, tham quan du lịch học tập kinh nghiệm, giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho cán bộ công nhân lao động của Công ty;

- Trong năm 2017, tổng quỹ lương được phê duyệt là 112,59 tỷ đồng. Trong đó quỹ tiền lương của người quản lý là 2,59 tỷ đồng, theo đó tiền lương bình quân của người quản lý là 36 triệu đồng/người/tháng; tổng quỹ lương của người lao động là 110 tỷ đồng, theo đó tiền lương bình quân của người lao động là 9,6 triệu đồng/người/tháng.

❖ *Công tác đào tạo:*

- Năm 2017, Công ty tổ chức 56 khóa đào tạo các lĩnh vực quản lý, tài chính, kinh tế, kỹ thuật, cụ thể như: khóa đào tạo cao cấp lý luận chính trị; khóa đào tạo Nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ cấp trung; nhà lãnh đạo thế hệ mới, giám đốc sản xuất chuyên nghiệp, tạo động lực cho nhân viên, quản lý sản xuất dành cho trưởng ca, tổ trưởng; kỹ năng làm việc cho cán bộ quản lý kỹ thuật. Kiến thức về Công nghệ xi măng cho lãnh đạo không trực tiếp điều hành sản xuất xi măng, đào tạo kỹ năng bán hàng, Tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, diễn tập khu vực phòng thủ với tổng số đạt 1.840 lượt người được đào tạo và tổng giá trị đào tạo đạt 3,2 tỷ đồng.

❖ *Công tác từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội:*

- Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Ban Lãnh đạo công ty đã phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty tổ chức phát động các phong trào tương trợ giúp nhau vượt qua khó khăn và tham gia công tác an sinh xã hội như lập quỹ tình thương đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt; ủng hộ quỹ khuyến học khuyến tài, hưởng ứng chương trình nông thôn mới, gia đình chính sách, nhận phụng dưỡng bà mẹ liệt sỹ…Trong năm 2017, riêng công tác ủng hộ, từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội Công ty thực hiện đạt giá trị hơn 2 tỷ đồng, khẳng định sự đặc biệt quan tâm của Công ty đối với công tác từ thiện, nhân đạo, công tác an sinh xã hội vì cộng đồng của Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017 ĐÃ KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Ngày kiểm toán viên ký xác nhận báo cáo tài chính: 20/03/2018

Đơn vị kiểm toán: CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

MỤC LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

THÔNG TIN CHUNG ____ 1-2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ____ 3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP ____ 4-5

Bảng cân đối kế toán ____ 6-7

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ____ 8

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ____ 9-10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ____ 11-41

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty"), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 1 tháng 4 năm 2008 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
Ông Trần Đức Danh	Thành viên	
Ông Đậu Phi Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	
Ông Trần Việt Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
Ông Lê Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
Ông Đỗ Tiến Trình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
Bà Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2017
Ông Dương Đình Hội	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2017
Ông Nguyễn Công Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2017
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2017
Ông Trần Việt Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Đình Hội	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2017
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 2 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Thất	Thành viên	
Ông Lê Văn Chiên	Thành viên	
Bà Thái Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên	
Ông Phạm Đức Trung	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 1 tháng 10 năm 2017 là ông Dương Đình Hội và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2017 đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Việt, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 2900329295 - C.T.C.P
CÔNG TY CP
XI MĂNG VICEM
HOÀNG MAI
TX. HOÀNG MAI - T. NGHỆ AN

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

EY
Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60862266/19319318

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

EY
Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm (Trình bày lại)*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**501.620.898.869**	**570.280.760.700**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***54.720.698.092***	***97.378.206.645***
111	1. Tiền		54.720.698.092	64.378.206.645
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	33.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***-***	***71.000.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	71.000.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***189.452.404.283***	***193.860.051.030***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	188.029.903.127	185.077.025.879
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		923.423.642	11.046.100.824
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.787.395.413	2.871.770.219
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(7.288.317.899)	(5.134.845.892)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***249.533.311.609***	***201.807.468.221***
141	1. Hàng tồn kho		250.817.657.592	203.133.535.244
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.284.345.983)	(1.326.067.023)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***7.914.484.885***	***6.235.034.804***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	7.914.484.885	3.222.270.775
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	3.012.764.029
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.142.169.934.393**	**1.184.005.838.646**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***1.061.401.801***	***974.383.235***
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.061.401.801	974.383.235
220	***II. Tài sản cố định***		***890.992.369.180***	***969.016.336.613***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	890.303.225.015	968.047.061.042
222	Nguyên giá		2.889.933.974.172	2.835.179.808.140
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.999.630.749.157)	(1.867.132.747.098)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	689.144.165	969.275.571
228	Nguyên giá		2.168.923.370	2.168.923.370
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.479.779.205)	(1.199.647.799)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***47.612.215.804***	***39.592.835.321***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	47.612.215.804	39.592.835.321
250	***IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***		***12.000.000.000***	***-***
255	1. Các khoản đầu tư tài chính	13	12.000.000.000	-
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***190.503.947.608***	***174.422.283.477***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	63.557.137.918	46.393.743.698
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	8	126.946.809.690	128.028.539.779
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.643.790.833.262**	**1.754.286.599.346**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**722.514.619.405**	**792.689.109.802**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***688.554.690.256***	***759.051.146.074***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	228.417.096.097	200.859.218.327
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	10.994.372.995	8.605.999.285
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.145.923.323	23.506.341.270
314	4. Phải trả người lao động		26.836.633.520	39.341.839.410
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	14.966.512.785	14.740.770.953
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	17.735.858.698	21.871.186.780
320	7. Vay ngắn hạn	18	359.154.048.695	441.366.293.736
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	19	13.304.244.143	8.759.496.313
330	***II. Nợ dài hạn***		***33.959.929.149***	***33.637.963.728***
338	1. Vay dài hạn	18	-	4.183.617.870
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	32.898.527.348	28.785.534.457
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		1.061.401.801	668.811.401
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**921.276.213.857**	**961.597.489.544**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***20.1***	***921.276.213.857***	***961.597.489.544***
411	1. Vốn cổ phần		720.000.000.000	720.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết*		*720.000.000.000*	*720.000.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.138.086.811	19.138.086.811
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		208.210.192.057	196.822.894.943
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.127.397.451	53.835.970.252
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*522.233.138*	*1.274.681.333*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*1.605.164.313*	*52.561.288.919*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.643.790.833.262**	**1.754.286.599.346**

Nguyễn Văn Tuấn
Người lập

Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 *tháng 12 năm 2017*

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	**1. Doanh thu bán hàng**	**21.1**	**1.421.717.662.995**	**1.581.420.392.526**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**21.1**	**-**	**-**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng**	**21.1**	**1.421.717.662.995**	**1.581.420.392.526**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**22**	**(1.232.079.538.789)**	**(1.322.327.238.542)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**189.638.124.206**	**259.093.153.984**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**21.2**	**851.081.537**	**3.427.571.336**
22	**7. Chi phí tài chính**	**23**	**(24.858.680.911)**	**(26.024.851.128)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(24.774.359.777)*	*(25.882.065.474)*
25	**8. Chi phí bán hàng**	**24**	**(78.649.401.032)**	**(84.854.311.027)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**24**	**(82.793.099.238)**	**(94.180.488.335)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**4.188.024.562**	**57.461.074.830**
31	**11. Thu nhập khác**	**25**	**2.207.406.590**	**4.148.482.516**
32	**12. Chi phí khác**	**25**	**(288.317.324)**	**(498.569.343)**
40	**13. Lợi nhuận khác**	**25**	**1.919.089.266**	**3.649.913.173**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**6.107.113.828**	**61.110.988.003**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**27.1**	**(388.956.624)**	**(4.425.433.122)**
52	**16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**27.3**	**(4.112.992.891)**	**(4.124.265.962)**
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**1.605.164.313**	**52.561.288.919**
70	**18. Lãi trên cổ phiếu**	**29**		
	- Lãi cơ bản		23	*554*
	- Lãi suy giảm		23	*554*

Nguyễn Văn Tuấn
Người lập

Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (Trình bày lại)*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**6.107.113.828**	**61.110.988.003**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		132.903.010.596	127.595.605.308
03	Trích/(hoàn nhập) khoản dự phòng		2.024.732.401	(5.445.709.343)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		46.125.432	(131.826.560)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(850.330.620)	(3.169.768.909)
06	Chi phí lãi vay	23	24.774.359.777	25.882.065.474
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**165.005.011.414**	**205.841.353.973**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		4.764.758.214	(22.423.514.876)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(46.602.392.259)	14.896.026.685
11	Giảm các khoản phải trả		16.869.039.678	1.913.916.816
12	Tăng chi phí trả trước		(21.855.608.330)	(11.035.832.031)
14	Tiền lãi vay đã trả		(24.884.459.360)	(25.868.370.997)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.758.538.898)	(2.292.868.551)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.690.252.170)	(12.105.832.030)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**78.847.558.289**	**148.924.878.989**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(67.612.964.129)	(18.353.249.181)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	104.545.455
23	Tiền chi cho vay, ủy thác đầu tư		(12.000.000.000)	(71.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		71.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		1.352.511.175	2.632.111.910
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(7.260.452.954)**	**(86.616.591.816)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.196.340.590.303	1.296.236.057.843
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.282.813.365.239)	(1.463.864.226.861)
36	Cổ tức đã trả		(27.770.857.000)	(212.562.935)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(114.243.631.936)**	**(167.840.731.953)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (Trình bày lại)*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(42.656.526.601)**	**(105.532.444.780)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**97.378.206.645**	**202.911.783.237**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(981.952)	(1.131.812)
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	4	**54.720.698.092**	**97.378.206.645**

Nguyễn Văn Tuấn	Đậu Thị Nga	Nguyễn Quốc Việt
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty"), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 953 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 972 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và vật tư thu hồi và phương pháp kê khai định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, sản phẩm sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Hàng tồn kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn.

Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam:

Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty), giá trị thương hiệu được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 10 năm dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ đầu tư và phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuài shênh lệch tạm thời chịu t tài sshênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có kcác năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ .

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	136.752.932	130.024.380
Tiền gửi ngân hàng	54.583.945.160	64.248.182.265
Các khoản tương đương tiền	-	33.000.000.000
TỔNG CỘNG	**54.720.698.092**	**97.378.206.645**

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	145.248.228.279	177.930.321.987
- *Sở Tài chính Nghệ An*	*95.049.749.991*	*148.501.593.926*
- *Công ty TNHH Thành Luân*	*13.809.013.828*	*7.934.329.795*
- *Phải thu các khách hàng khác*	*36.389.464.460*	*21.494.398.266*
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 28)*	42.781.674.848	7.146.703.892
TỔNG CỘNG	**188.029.903.127**	**185.077.025.879**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.433.847.644)	(3.384.139.364)

6. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Phải thu về chi phí đã phát sinh cho Dự án Đô Thị Xi măng Hoàng Mai (*)	6.172.086.734	-
Tạm ứng	852.136.005	1.646.356.344
Cho vay	355.000.000	355.000.000
Lãi tiền gửi phải thu	66.123.600	568.304.155
Các khoản phải thu khác	342.049.074	302.109.720
	7.787.395.413	**2.871.770.219**
Dài hạn		
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	1.061.401.801	974.383.235
	1.061.401.801	**974.383.235**
TỔNG CỘNG	**8.848.797.214**	**3.846.153.454**
Trong đó:		
Phải thu khác	*8.767.269.140*	*3.778.691.863*
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*81.528.074*	*67.461.591*
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.854.470.255)	(355.000.000)

(*) Đây là các khoản chi phí xây dựng cơ bản mà Công ty đã chi ra trong các năm trước cho Dự án Đô thị Xi măng Hoàng Mai (trong đó Công ty tham gia cùng hai đối tác đầu tư khác theo hợp đồng hợp tác liên doanh - BCC). Trong năm 2017, chính quyền địa phương đã có văn bản thu hồi dự án và không bồi hoàn chi phí đã phát sinh cho Dự án, Công ty đã kết chuyển toàn bộ các chi phí xây dựng cơ bản kể trên từ hạng mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" sang "Phải thu ngắn hạn khác" và thực hiện trích lập dự phòng với số tiền là 3.499.470.255 VND, tương ứng với phần vốn đã góp trong BCC của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
Dự án khu đô thị Vicem Hoàng Mai	3.499.470.255	-	-	-
Công ty Cổ phần xi măng Puzolan	2.658.439.332	-	2.658.439.332	-
Khác	1.607.940.387	477.532.075	3.012.943.435	536.536.875
TỔNG CỘNG	**7.765.849.974**	**477.532.075**	**5.671.382.767**	**536.536.875**

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Ngắn hạn				
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	122.247.636.213	-	83.823.852.337	-
Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ	55.032.153.514	(1.170.092.793)	51.025.866.157	(1.188.689.297)
Nguyên liệu, nhiên liệu	41.873.006.530	(114.253.190)	49.852.498.342	(137.377.726)
Thành phẩm	31.664.861.335	-	18.431.318.408	-
TỔNG CỘNG	**250.817.657.592**	**(1.284.345.983)**	**203.133.535.244**	**(1.326.067.023)**
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	126.946.809.690	-	128.028.539.779	-
TỔNG CỘNG	**126.946.809.690**	**-**	**128.028.539.779**	**-**

Một phần hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số đầu năm	1.326.067.023	8.845.947.226
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(41.721.040)	(7.519.880.203)
Số cuối năm	**1.284.345.983**	**1.326.067.023**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa phân bổ (*)	6.877.583.150	2.075.780.701
Phí bảo hiểm	1.036.901.735	1.146.490.074
TỔNG CỘNG	**7.914.484.885**	**3.222.270.775**
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa phân bổ	58.516.767.399	32.091.459.576
Chi phí sửa chữa lớn đường vào nhà máy	3.100.828.058	4.604.571.717
Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (**)	1.939.542.461	9.697.712.405
TỔNG CỘNG	**63.557.137.918**	**46.393.743.698**

(*) Trong đó chi phí bao gồm thay gạch và vật tư chịu lửa giá trị 4.470.776.442 VND phát sinh trong kỳ và được phân bổ vào giá thành sản xuất dựa trên tuổi thọ kỹ thuật của vật tư sử dụng và thời gian dự kiến thay thế lần kế tiếp.

(**) Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty), giá trị thương hiệu đã được định giá với số tiền là 50.000.000.000 VND, và được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và vốn cổ phần đã góp của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Thuyết minh số 18.1) cũng như phân bổ dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Trang thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	737.731.123.365	2.045.684.552.550	39.861.404.549	11.902.727.676	2.835.179.808.140
- Mua trong năm	-	9.825.224.878	1.166.541.819	45.450.000	11.037.216.697
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.521 538.182	32.410.250.235	-	-	43.931.788.417
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(139.150.900)	(139.150.900)
- Giảm khác	-	-	(75.688.182)	-	(75.688.182)
Số dư cuối năm	749.252 661.547	2.087.920.027.663	40.952.258.186	11.809.026.776	2.889.933.974.172
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*4.147.760.778*	*77.816.407.522*	*20.656.159.254*	*1.091.024.230*	*103.711.351.784*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	300.699 075.868	1.533.307.284.024	28.770.036.737	4.356.350.469	1.867.132.747.098
- Khấu hao trong năm	30.802 090.758	96.830.859.233	2.895.436.471	2.094.492.728	132.622.879.190
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(123.841.016)	(123.841.016)
- Giảm khác	-	-	(1.036.115)	-	(1.036.115)
Số dư cuối năm	331.501 166.626	1.630.138.143.257	31.664.437.093	6.327.002.181	1.999.630.749.157
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	437.032 047.497	512.377.268.526	11.091.367.812	7.546.377.207	968.047.061.042
Số dư cuối năm	417.751 494.921	457.781.884.406	9.287.821.093	5.482.024.595	890.303.225.015

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một phần nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 17).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	2.168.923.370
Số dư cuối năm	2.168.923.370
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	*726.423.370*
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	1.199.647.799
Hao mòn trong năm	280.131.406
Số dư cuối năm	1.479.779.205
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	969.275.571
Số dư cuối năm	689.144.165

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Hoàng Mai II	23.263.577.022	14.172.667.931
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III	19.123.170.857	16.468.613.857
Mua sắm tài sản cố định	2.362.472.945	-
Dây chuyền sản xuất tro bay	1.546.912.420	1.546.912.420
Tổ hợp nhà thương mại Vinh	707.528.924	707.528.924
Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Quỳnh Vinh	495.060.000	495.060.000
Dự án Khu đô thị Vicem Hoàng Mai (**)	-	6.172.086.734
Các công trình khác	113.493.636	29.965.455
TỔNG CỘNG	**47.612.215.804**	**39.592.835.321**

(*) Xem thêm tại Thuyết minh số 6.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trái phiếu ngân hàng	12.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	**12.000.000.000**	**-**

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn 10 năm đáo hạn ngày 14 tháng 12 năm 2027, với lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm và gốc được thanh toán khi đáo hạn. Ngân hàng công thương có thể mua lại trước hạn toàn bộ trái phiếu với giá mua lại bằng mệnh giá tại thời điểm tròn 5 năm từ ngày phát hành

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Số dư	*Số có khả năng trả nợ*	*Số dư*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả ngắn hạn cho người bán	141.101.138.156	141.101.138.156	124.635.155.552	124.635.155.552
- Công ty TNHH Thương mại Thành Công	*12.200.628.099*	*12.200.628.099*	*39.780.299.784*	*39.780.299.784*
- Phải trả người bán khác	*128.900.510.057*	*128.900.510.057*	*84.854.855.768*	*84.854.855.768*
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 28)*	87.315.957.941	87.315.957.941	76.224.062.775	76.224.062.775
TỔNG CỘNG	**228.417.096.097**	**228.417.096.097**	**200.859.218.327**	**200.859.218.327**

14.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty TNHH Tô Tây	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Anh Quân	178.057.063	930.937.063
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Viết Hải	15.940.952	3.939.659.993
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Bình	-	2.520.211.074
Người mua trả tiền trước khác	800.374.980	1.215.191.155
TỔNG CỘNG	**10.994.372.995**	**8.605.999.285**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm (Trình bày lại)	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	6.034.733.791	20.295.652.371	17.486.754.092	8.843.632.070
Thuế tài nguyên	4.994.301.713	13.702.551.620	16.483.832.646	2.213.020.687
Tiền thuê đất	2.459.749.042	4.353.698.000	4.636.598.042	2.176.849.000
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	3.638.754.000	-	1.897.565.280	1.741.188.720
Thuế thu nhập cá nhân	13.150.564	1.233.659.595	871.552.552	375.257.607
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh số 27.1)*	4.369.582.274	388.956.624	4.758.538.898	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.996.069.886	6.890.227.949	7.090.322.596	1.795.975.239
TỔNG CỘNG	**23.506.341.270**	**46.864.746.159**	**53.225.164.106**	**17.145.923.323**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	9.773.879.453	986.494.478
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ	2.463.514.000	1.487.076.278
Chi phí nhân công sửa chữa lớn	521.016.303	1.285.798.798
Chi phí lãi vay phải trả	371.392.073	481.491.656
Chi phí quảng cáo, hội nghị, giới thiệu sản phẩm	365.992.234	845.357.234
Chi phí tiền điện	4.061.921	4.004.998.413
Phí bảo lãnh cho các khoản vay phải trả	-	446.993.937
Chi phí phải trả khác	1.466.656.801	5.202.560.159
TỔNG CỘNG	**14.966.512.785**	**14.740.770.953**
Trong đó:		
Chi phí phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*521.016.303*	-
Chi phí phải trả các bên khác	*14.445.496.482*	*14.740.770.953*

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (Trình bày lại)*
Chi phí vận tải (*)	9.454.605.875	13.698.570.875
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.060.348.650	2.139.765.650
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.549.959.885	1.377.494.915
Tiền ủng hộ phải trả cho Ban vận động "Quỹ vì người nghèo"	367.110.237	642.120.089
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.303.834.051	4.013.235.251
TỔNG CỘNG	**17.735.858.698**	**21.871.186.780**

(*) Đây là chi phí vận tải phải trả cho Công ty TNHH Thành Luân liên quan đến dự án Giao thông nông thôn. Theo yêu cầu của Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An, khoản phải thu của Công ty TNHH Thành Luân đối với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An liên quan tới dịch vụ vận chuyển xi măng cung ứng cho Dự án giao thông nông thôn được chuyển giao cho Công ty để làm đầu mối thu nợ tập trung với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An. Theo đó, Công ty sẽ thanh toán cho Công ty TNHH Thành Luân khi nhận được phần thanh toán tương ứng từ Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An.

18. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		*Trong năm*		*Số cuối năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	437.156.109.440	437.156.109.440	1.196.340.590.303	1.278.573.091.304	354.923.608.439	354.923.608.439
Vay dài hạn đến hạn trả	4.210.184.296	4.210.184.296	4.260.529.895	4.240.273.935	4.230.440.256	4.230.440.256
	441.366.293.736	**441.366.293.736**	**1.200.601.120.198**	**1.282.813.365.239**	**359.154.048.695**	**359.154.048.695**
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	4.183.617.870	4.183.617.870	-	4.183.617.870	-	-
	4.183.617.870	**4.183.617.870**	**-**	**4.183.617.870**	**-**	**-**
TỔNG CỘNG	**445.549.911.606**	**445.549.911.606**	**1.200.601.120.198**	**1.286.996.983.109**	**359.154.048.695**	**359.154.048.695**

18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An	262.200.812.027	6 tháng, đáo hạn từ ngày 21 tháng 3 năm 2018 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018. Lãi trả hàng tháng	5,5%	Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 200 tỷ VND, các quyền thu hồi nợ bán hàng và các lợi ích liên quan đến số hàng tồn kho này. Máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng, phần mềm máy tính.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	92.722.796.412	4 tháng, đáo hạn từ ngày 13 tháng 3 năm 2018 đến ngày 30 tháng 3 năm 2018. Lãi trả hàng tháng	5,3%	Máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng.
Tổng cộng	**354.923.608.439**			

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Bên cho vay	*VND*	*Nguyên tệ (USD)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Quỹ hỗ trợ Cô-oet Phát triển Kinh tế Ả rập (thec Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty)	4.230.440.256	188.800	168 tháng, đáo hạn ngày 10 tháng 9 năm 2018. Tiền lãi được trả theo định kỳ 6 tháng.	4,2%	Tín chấp
Trong đó:					
- *Vay dài hạn đến hạn trả*	4.230.440.256	188.800			
- *Vay dài hạn*	-	-			

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số dư đầu năm	8.759.496.313	6.042.426.242
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 20.1)	14.235.000.000	14.738.500.000
Sử dụng trong năm	(9.690.252.170)	(12.021.429.929)
Số dư cuối năm	13.304.244.143	8.759.496.313

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã góp	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước						
Số dư đầu năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	148.837.652.393	63.998.423.883	923.774.700.625
- Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	52.561.288.919	52.561.288.919
- Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.738.500.000)	(14.738.500.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	47.985.242.550	(47.985.242.550)	-
Số dư cuối năm (Trình bày lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	196.822.894.943	53.835.970.252	961.597.489.544
Năm nay						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	196.822.894.943	53.835.970.252	961.597.489.544
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.605.164.313	1.605.164.313
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 18) (*)	-	-	-	-	(14.235.000.000)	(14.235.000.000)
- Trả cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	-	(27.691.440.000)	(27.691.440.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	11.387.297.114	(11.387.297.114)	-
Số dư cuối năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	2.127.397.451	921.276.213.857

(*) Công ty đã phân phối lợi nhuận của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số NQ01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2017.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
Cổ đông	*Cổ phiếu phổ thông VND*	*Tỷ lệ %*	*Cổ phiếu phổ thông VND*	*Tỷ lệ %*
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	510.918.000.000	70,96	510.918.000.000	70,96
Các cổ đông khác	209.082.000.000	29,04	209.082.000.000	29,04
TỔNG CỘNG	**720.000.000.000**	**100,00**	**720.000.000.000**	**100,00**

20.3 *Cổ tức*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông (400 VND/Cổ phiếu)	*27.691.440.000*	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

20.4 *Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi*

Đơn vị tính: cổ phiếu

	Năm nay	*Năm trước*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**72.000.000**	**72.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**72.000.000**	**72.000.000**
Số lượng cổ phiếu phổ thông	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	**(2.771.400)**	**(2.771.400)**
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**69.228.600**	**69.228.600**
Số lượng cổ phiếu phổ thông	69.228.600	69.228.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2016: 10.000 đồng Việt Nam).

Các cổ phiếu này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là HOM.

21. DOANH THU

21.1 *Doanh thu bán hàng*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu bán hàng	**1.421.717.662.995**	**1.581.420.392.526**
Doanh thu bán xi măng và clinker	1.376.193.449.504	1.523.618.005.425
Doanh thu bán sản phẩm khác	34.075.000.976	51.982.559.604
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.314.437.061	2.719.664.339
Doanh thu thanh lý vật tư, phế liệu	1.134.775.454	3.100.163.158
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**1.421.717.662.995**	**1.581.420.392.526**
Trong đó:		
Doanh thu từ bên khác	*1.353.691.839.618*	*1.549.080.823.428*
Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*68.025.823.377*	*32.339.569.098*

21.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	850.330.620	3.035.681.354
Lãi chênh lệch tỷ giá	750.917	362.347.882
Thu nhập tài chính khác	-	29.542.100
TỔNG CỘNG	**851.081.537**	**3.427.571.336**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn bán xi măng và clinker	1.196.181.574.872	1.281.147.579.254
Giá vốn bán sản phẩm khác	25.737.808.728	37.246.362.475
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.160.155.189	2.948.104.750
Giá vốn vật tư, phế liệu thanh lý	-	985.192.063
TỔNG CỘNG	**1.232.079.538.789**	**1.322.327.238.542**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	24.774.359.777	25.882.065.474
Lỗ chênh lệch tỷ giá	82.026.134	116.647.779
Chiết khấu thanh toán	2.295.000	-
Phí bảo lãnh	-	26.137.875
TỔNG CỘNG	**24.858.680.911**	**26.024.851.128**

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng		
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	14.831.679.262	13.870.204.023
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ	14.271.410.500	16.332.179.858
Chi phí hội nghị, tiếp khách	14.820.531.231	9.516.668.058
Chi phí lợi thế thương mại	7.758.169.944	7.758.169.944
Chi phí chuyển giao bí quyết bán hàng	3.508.403.370	10.520.999.419
Chi phí khác	23.459.206.725	26.856.089.725
	78.649.401.032	**84.854.311.027**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	30.007.437.537	28.554.079.327
Chi phí khấu hao	9.319.876.843	9.133.365.063
Chi phí hội nghị, tiếp khách	7.567.277.144	8.740.195.370
Chi phí chuyển giao bí quyết doanh nghiệp	3.279.786.333	9.024.031.848
Chi phí khác	32.618.721.381	38.728.816.727
	82.793.099.238	**94.180.488.335**

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Thu nhập khác	**2.207.406.590**	**4.148.482.516**
Xóa sổ công nợ tồn lâu năm	697.668.530	544.914.226
Thu phạt hợp đồng	95.579.810	226.770.001
Bồi thường tổn thất	-	2.107.597.112
Lãi từ thanh lý tài sản	-	104.545.455
Thu nhập khác	1.414.158.250	1.164.655.722
Chi phí khác	**288.317.324**	**498.569.343**
Chi phí khác	288.317.324	498.569.343
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.919.089.266**	**3.649.913.173**

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	705.612.882.418	723.837.001.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.337.075.604	373.885.302.911
Chi phí nhân công	134.173.800.899	135.527.584.498
Chi phí khấu hao và hao mòn	132.903.010.596	127.595.605.308
Chi phí khác	142.044.989.351	148.943.943.762
TỔNG CỘNG	**1.445.071.758.868**	**1.509.789.437.938**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02–UB ngày 10 tháng 7 năm 1998 do UBND tỉnh Nghệ An cấp, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (là năm 2008) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2017 là 10% và hoạt động kinh doanh khác là thuế suất phổ thông (20% trong năm 2017).

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	4.457.256.123
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	388.956.624	(31.823.001)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.112.992.891	4.124.265.962
TỔNG CỘNG	**4.501.949.515**	**8.549.699.084**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.107.113.828	61.110.988.003
Thuế TNDN theo thuế suất 10% áp dụng cho Công ty	550.239.624	5.904.967.510
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	120.943.517	412.262.579
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Thuế từ các khoản chi phí không được khấu trừ thuế khác	137.638.423	202.159.015
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	388.956.624	-
Dự phòng phải thu cho dự án khu đô thị Vicem Hoàng Mai	349.947.026	-
Chênh lệch về thuế suất ghi nhận thuế hoãn lại phải trả đối với chi phí khấu hao	2.056.496.445	2.062.132.981
Thuế TNDN hoãn lại cho lỗ chưa được cấn trừ	958.199.614	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(31.823.001)
Bù trừ giữa hai hoạt động	(60.471.758)	-
Chi phí thuế TNDN	**4.501.949.515**	**8.549.699.084**

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định	32.898.527.348	28.785.534.457	(4.112.992.891)	(4.124.265.962)
	32.898.527.348	**28.785.534.457**		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			**(4.112.992.891)**	**(4.124.265.962)**

Lỗ chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 9.581.996.140 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND) có thể sẽ được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế (*)*	*Đã chuyển lỗ đến 31 tháng 12 năm 2017*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại 31 tháng 12 năm 2017*
2017	2022	9.581.996.140	-	-	9.581.996.140
		9.581.996.140	**-**	**-**	**9.581.996.140**

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra tại ngày phát hành báo cáo tài chính.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua than cám	320.807.208.768	270.177.924.153
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng	58.705.796.380	-
		Thuê gia công xi măng	19.684.679.293	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	27.201.112.700	43.059.080.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	14.648.558.100	23.413.735.800
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa	7.445.720.600	6.390.822.800
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem VLXD Đà Nẵng	Công ty con	Mua vỏ bao xi măng	7.390.787.600	13.543.221.600
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn chuyển giao và phí sử dụng nhãn hiệu Vicem (*)	6.820.811.817	19.545.031.267
		Mua thạch cao	6.647.387.536	13.389.818.677
		Bán xi măng	2.450.145.455	501.354.545
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Thuê gia công xi măng	4.432.770.907	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng	4.366.249.997	7.741.477.269
		Doanh thu vận chuyển	1.466.522.454	1.947.391.908
		Thuê gia công xi măng	1.106.122.875	4.922.217.778

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(*) Theo Hợp đồng số 2118/VICEM-HĐKT ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Hợp đồng số 2120/VICEM-HĐKT ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty mẹ sẽ tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty các kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và kỹ năng quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, và tính phí cho các dịch vụ này trên doanh thu thuần từ tiêu thụ xi măng và clinker cũng như doanh thu tiêu thụ xi măng gia công ngoài và sản phẩm khác, thu nhập khác phát sinh hàng năm. Theo Phụ lục hợp đồng số 06 ngày 26 tháng 12 năm 2017 & phụ lục hợp đồng số 05 ngày 31 tháng 03 năm 2017, phí các dịch vụ này được giảm từ 1,3% tính trên tổng doanh thu tiêu thụ xi măng và clinker xuống còn 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,5% tính trên doanh thu tiêu thụ xi măng hàng năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Theo Hợp đồng số 919/HĐCQSDNH/VICEM-HM ngày 24 tháng 4 năm 2017, Công ty mẹ sẽ chuyển cho Công ty quyền sử dụng Nhãn hiệu đã được đăng kí theo số đơn 4-2011-02816 (nhãn hiệu VICEM).

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2016: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ báo cáo thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 14.1)*				
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua than cám	39.887.929.664	39.775.279.209
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	12.568.141.586	4.566.206.432
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao	10.475.925.010	14.474.936.600
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	10.124.853.910	3.570.650.838
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao và phí quản lý	6.119.519.191	9.394.699.849
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền mua vỏ bao	3.763.734.700	2.814.889.482
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa	3.205.564.780	544.341.751
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền mua vỏ bao và xây gạch lò	190.674.000	275.831.014
Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí đào tạo	312.200.000	607.710.000
Công ty TNHH Một Thành viên xi măng Vicem tam Điệp	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Thuê gia công xi măng	-	52.440.000
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí tư vấn	536.890.100	16.552.600
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí tư vấn khảo sát địa hình	130.525.000	130.525.000
			87.315.957.941	**76.224.062.775**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(Thuyết minh số 5)*				
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con	Phải thu tiền xây gạch lò và gia công xi măng	33.035.027.896	-
Công ty Cổ phần Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	5.761.035.697	6.719.720.496
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu tiền xi măng hỗ trợ	3.208.990.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền bán xi măng	519.890.000	-
		Phải thu tiền xây gạch lò	-	212.068.396
Công ty TNHH một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	Phải thu tiền xây gạch lò	256.731.255	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền xây gạch lò	-	214.915.000
			42.781.674.848	**7.146.703.892**
Phải thu khác *(Thuyết minh số 6)*				
Công ty cổ phần Xi Măng Hạ Long	Công ty con	Phải thu tiền xây gạch lò	62.437.500	-
Ban Quản lý Dự án Đông Hồi	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu khác	11.047.983	14.323.515
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu khác	7.767.676	5.552.570
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu khác	274.915	283.506
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu khác	-	47.302.000
			81.528.074	**67.461.591**
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Tam Điệp	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Trả trước tiền mua vỏ bao	13.280.000	13.280.000
			13.280.000	**13.280.000**
Chi phí phải trả ngắn hạn *(Thuyết minh số 16)*				
Công ty TNHH một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Chi phí nhân công sửa chữa lớn	521.016.303	-
			521.016.303	**-**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Lương và thưởng	3.255.000.000	3.519.000.000
TỔNG CỘNG	**3.255.000.000**	**3.519.000.000**

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.605.164.313	52.561.288.919
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(14.235.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.605.164.313	38.326.288.919
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**1.605.164.313**	**38.326.288.919**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	69.228.600	69.228.600
Ảnh hưởng suy giảm		-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**69.228.600**	**69.228.600**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	554
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23	554

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm và cho đến đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2016 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2017. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

30. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Căn cứ trên Báo cáo kiểm toán của thanh tra Bộ Tài Chính ngày 18 tháng 7 năm 2017, Công ty đã thực hiện các điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán, như sau:

Đơn vị: VND

Mã số	*Chỉ tiêu*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)*	*Số điều chỉnh*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (được trình bày lại)*
	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(2), (3)	23.302.550.120	203.791.150	23.506.341.270
319	Phải trả ngắn hạn khác	(1), (3)	22.464.252.696	(593.065.916)	21.871.186.780
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	(1), (2), (3)	52.172.014.153	389.274.766	52.561.288.919

			Năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	*Số điều chỉnh*	*Năm 2016 (được trình bày lại)*
	BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
31	Thu nhập khác	(1)	3.661.889.059	486.593.457	4.148.482.516
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(2)	(4.328.114.431)	(97.318.691)	(4.425.433.122)

(1) Điều chỉnh vào thu nhập khác số tiền 486.593.457 VND liên quan đến khoản phạt thuế năm 2010 mà Công ty hạch toán vào chi phí;

(2) Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 97.318.691 VND tương ứng với điều chỉnh nêu tại mục (1);

(3) Điều chỉnh tăng khoản phải trả thuế GTGT số tiền 106.472.459 VND do Công ty đã thực hiện kê khai khấu trừ thuế trong năm 2014.

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết tiền thuê đất

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	4.353.698.000	4.353.698.000
Từ 2 - 5 năm	17.414.792.000	17.414.792.000
Trên 5 năm	20.077.049.339	26.748.075.116
TỔNG CỘNG	**41.845.539.339**	**48.516.565.116**

Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Cam kết về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 41,71 tỷ đồng.

Theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và trong thời gian Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến, chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính này.

Ngoài ra, Công ty cũng đang trong quá trình đánh giá lại trữ lượng của mỏ đá vôi để tiến hành các thủ tục xin cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản này theo quy định của Luật Khoáng sản 2010, cũng như xin phê duyệt lại mức phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi.

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết về phí cải tạo và phục hồi môi trường

Căn cứ theo công văn số 4456/CV-UB.ĐC ngày 13 tháng 09 năm 2004 của UBND Tỉnh Nghệ An về việc thực hiện ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, thông báo nộp tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản số 04/TB-TNMT-MT ngày 28 tháng 1 năm 2008 về ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2 và thông báo nộp tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản số 149/TB-TNMT-MT ngày 17 tháng 1 năm 2008 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An về việc ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 1 và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, Công ty có các cam kết liên quan tới việc ký quỹ cải tạo bảo vệ môi trường đối với việc khai thác và sử dụng của mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, tổng số tiền phải ký quỹ là 798.971.000 đồng, trong đó, từ năm 2009 tới năm 2025, mỗi năm ký quỹ 34.057.925 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2, tổng số tiền ký quỹ là 151.239.000 đồng, trong đó, từ năm 2009 đến năm 2025, mỗi năm ký quỹ 4.433.000 đồng.

Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành theo Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nguyễn Văn Tuấn Người lập	Đậu Thị Nga Kế toán trưởng	Nguyễn Quốc Việt Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

Số điện thoại : (0238) 3866 170

Số fax : (0238) 3866 648

Website : http://ximanghoangmai.vn